



GIA ĐÌNH TÌM GẶP NHAU TRONG CHÚA.

Lm Giuse Mai Văn Thịnh, DCCT

Những giờ suy niệm về Lễ Thánh Gia ta mừng kính, gửi đến với ta tâm tình Lễ Chúa Giáng Trần. Trước tiên, xin gửi đến quý cụ, quý ông bà và anh chị em lời nguyện chúc bình an. Ước mong niềm vui và ân huệ của Đấng *Emmanuel*, có nghĩa 'Thiên Chúa ở cùng chúng ta' được ứng nghiệm trong mỗi ngày ta sống.

Chu kỳ phụng vụ hàng năm, xếp Lễ Giáng Sinh và Thánh Gia vào cuối tuần, sát cạnh nhau. Vào Lễ Giáng Sinh, ta mừng kính và tưởng nhớ cuộc thăm viếng vĩ đại của Chúa, Đấng đã chia sẻ kiếp người với ta. Ngài không chỉ chia sẻ một chút ít; nhưng toàn diện. Ngài đến với mỗi theo hoàn cảnh tư riêng của từng người. Ngài kiếm tìm và bầu bạn cả với những kẻ tội lỗi, mất hướng đi. Và khi đến với thân phận con người, Ngài cũng cần một gia đình, thứ gia đình thường tình như chúng ta. Gia đình của Chúa cũng không có ngoại lệ. Vì thế nên, ta hân hoan mừng Lễ Thánh Gia ngõ hầu khám phá ra Chúa hiện diện với gia đình là tất cả; bởi nếu không, thì mọi thành viên trong gia đình, dù có là gia đình của Chúa, cũng dễ dàng thất lạc nhau.

Tin Mừng Lễ Thánh Gia kể lại việc Thánh Giuse và Đức Mẹ tuân giữ lề luật rất nghiêm ngặt. Hàng năm, các ngài đều lên đền Giêrusalem tham dự các nghi lễ theo luật dạy. Nhưng lần này thì khác, các ngài có Đức Giêsu đi cùng. Người đã đến tuổi khôn, tuổi trưởng thành hầu tham dự các nghi thức tế tự dành cho người lớn, nghĩa là: Ngài tuy theo chân cha mẹ tham dự các nghi lễ, nhưng ý nghĩa sâu xa của các nghi lễ thì Ngài đã am-tường. Trong khi đó, cha mẹ Ngài cũng tham dự đấy, nhưng chưa hẳn là các Đấng đã thấu hiểu sâu xa điều mà các Đấng vẫn trung thành tuân thủ.

Khi nghi lễ dứt đoạn, cha mẹ Ngài lên đường trở về nhà, trong khi đó Đức Giêsu vẫn dừng chân lưu lại Giêrusalem giữa các nhà thông thái mà các Đấng không hề hay biết. Kịp khi lạc mất Đức Giêsu, mãi cho đến ngày thứ ba mới gặp lại Ngài. Cả vào lúc gặp lại Ngài ba ngày sau như thế, Đức Giêsu lại còn nói: "Sao cha mẹ lại tìm con làm gì?" khiến ta nhớ đến tình huống xảy ra cùng một buổi sáng Phục Sinh có thiên thần ngồi ở mộ trống hỏi các bà: "Sao các bà lại tìm Người sống giữa kẻ chết?"

Thật ra, Ánh Sáng Phục Sinh đã giúp ta tìm thấy Thiên-Chúa-là-Đấng-đang-hiện-diện-ở-với-chúng ta, vậy mà nhiều lúc ta lại kiếm tìm Ngài ngay trong đất dành cho kẻ chết, nên mới thất lạc nhau.

Khi công bố Tin Mừng Tìm Gặp nhau vào lễ Thánh Gia, Hội Thánh muốn nhắc chân lý sâu sắc về sự hiện diện của Chúa trong đời sống gia đình mỗi người, và đó cũng là điều Hội thánh vẫn khuyến khích các gia đình Công giáo nên thực hiện cho chính mình. Nói cách khác, mọi thành-viên trong gia đình trước tiên hãy đặt việc tìm kiếm và vâng phục ý định của Chúa lên hàng đầu. Và, đây chính là nền tảng căn bản trong cuộc sống gia đình của mỗi người.

Trước nhất, mỗi người trong chúng ta phải nhận ra việc kiếm tìm và vâng phục của Đức Giêsu. Đấng tuân phục và vâng nghe lời dạy bảo của cha mẹ Ngài. Tuy nhiên, không vì thế mà Ngài lại quên bổn phận chu toàn sứ mạng của Thiên Chúa, Đấng đã sai phái Ngài. Đức Giêsu đến với con người là Ngài thực thi ý định của Thiên-Chúa-là-Cha-Ngài. Và điều vô cùng đặc biệt ấy đã xảy ra tại đây, nơi này, ngay ở hành trình thực hiện sứ vụ Cha giao phó, bằng việc kiếm tìm và vâng phục ý của Cha nhờ đó các Đấng đã tuân trọn thánh ý của Thiên Chúa.

Nói thì như thế, nhưng tiến trình tìm kiếm và vâng phục ý Thiên Chúa của Thánh Giuse và Đức Mẹ không phải là việc xảy đến một sớm một chiều. Hối hả, bồn chồn và lo lắng trong khi tìm kiếm, để đến khi tìm được con của mình rồi lại nghe Đức Giêsu giải thích về việc Ngài đang làm là việc trong nhà Cha, đến độ các Đấng cũng chẳng hiểu lời Đức Giêsu vừa nói.

Việc tìm rồi gặp, gặp xong lại mất, mất rồi lại tìm thấy là những gì được lặp đi lặp lại trong hành trình tìm kiếm của các ngài. Phải chờ cho đến khi ơn cứu độ được hoàn tất qua Mầu nhiệm Phục Sinh của Đức Giêsu thì cha mẹ Người mới hiểu rõ. Những gì bây giờ chưa được khai sáng thì trong ngày Đức Giêsu hoàn tất ơn cứu độ thì mọi sự sẽ được tỏ sáng và lộ rõ như ban ngày.

Như vậy, suy đi nghĩ lại những gì không hiểu là điều cần thực hành trong đời sống đức tin. Điều này cũng có thể áp dụng và đem lại hiệu quả một cách hữu hiệu trong nếp sống gia đình. Chúng ta thường có khuynh hướng nói mà không suy, cho nên những điều ta nói dễ mất lòng người khác hơn. Suy đi nghĩ lại để khám phá ra ý định của Thiên Chúa cần mình nói gì, làm gì bao giờ cũng là thái độ sống của người biết lắng nghe, biết quan tâm và tìm các giải pháp tốt đẹp cho đời sống chung trong gia đình.

Suy gẫm và noi gương đời sống gia đình Thánh Gia qua trình thuật Tin Mừng theo Thánh Luca hôm rồi giúp ta nhận ra phương pháp sống thế nào cho gia đình được hạnh phúc. Cho dù khác nhau về hoàn cảnh địa lý, phong tục, thời gian ... Nhưng nếu mọi thành phần trong gia đình của các tín hữu biết đặt trên căn bản của việc tìm kiếm và thực hành ý Thiên Chúa như gia đình Thánh Gia thì chúng ta sẽ dễ dàng tìm được điểm hội tụ, điểm chung để gặp gỡ và giúp nhau hàn gắn những sứt mẻ do bản tính con người tạo nên.

Như Thánh Giuse, Đức Maria đã lạc mất con thế nào thì trong cuộc sống gia đình, với tất cả khó khăn mà các gia đình phải đối diện luôn là tiếng còi báo động cho các thành phần trong gia đình có thể lạc mất nhau. Trong hoàn cảnh đó, mọi phần tử trong gia đình phải nỗ lực tìm kiếm; noi gương và theo sát chân các Đấng trong gia đình Thánh gia để tìm kiếm. Cuộc tìm kiếm này không phải là việc làm dễ dàng. Nhiều khi, nó kéo dài cả một đời người. Cần có sự quyết tâm và kiên trì trong việc tìm kiếm Chúa và tìm kiếm nhau trong Chúa. Và, chỉ có Đức Giêsu mới làm cho gia đình hiệp nhất và bình an khi chúng ta trao gửi lòng mến và tình thương cho nhau.

Vì thế, hãy ý thức rằng trước khi chúng ta thuộc về nhau thì mỗi cá nhân trong gia đình thuộc về Chúa trước. Do vậy, dù cha mẹ có thương con đến mức độ nào thì các ngài cũng không được phép áp đặt, cưỡng ép và bắt các con phải làm theo ý mình. Thay vì lạc mất con như Đức Mẹ và Thánh Giuse, đôi khi cha mẹ cũng cần đánh mất ý riêng của cha mẹ mà khám phá ra ý muốn ngay lành của từng người con trong gia đình để hỗ trợ và hướng dẫn chúng theo ý Chúa. Bởi vì, mỗi một người con là một bầu trời mà Chúa gửi đến cho các bậc làm cha làm mẹ khám phá những nét kỳ diệu của Thiên Chúa nơi các con.

Nói như thế thì gia đình là cái nôi, là môi trường vô cùng quan trọng để chuẩn bị cho con cái vào đời. Trong tinh thần đó, Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, trong tâm thư gửi cho các gia đình, Ngài đã ghi lại: *"Thiên Chúa đồng hoá với con người, với những người trong gia đình. Thiên Chúa là một với người cha, người mẹ, người bạn trăm năm và các con trong gia đình."*

Như vậy, thật là chí lý khi chúng ta xác quyết rằng gia đình là ngôi trường đầu tiên dạy chúng ta những bài học căn bản của kiếp người; dạy chúng ta biết yêu thương, phục vụ, biết từ bỏ và quên mình.

Chúng ta có thể cho rằng gia đình Thánh gia Nagiarét được diễm phúc hơn mọi gia đình khác, vì có Đức Giêsu hiện diện giữa các ngài. Nhưng nếu xét cho cùng thì các Ngài cũng không có đặc quyền, đặc lợi hơn chúng ta. Các Ngài cũng cần tìm kiếm thánh ý của Thiên Chúa; và các Ngài cũng cần phải có đức tin sâu xa và vững mạnh lắm mới có thể chu toàn trọn vẹn vai trò của mình.

Như vậy, muốn gia đình mình được gọi là gia đình Thánh thì mọi thành phần trong gia đình cần học để vâng phục ý định của Thiên Chúa qua việc chuyên cần suy niệm Lời Ngài. Đúng như lời chúc phúc của Thánh Phao-lô “Nguyện cho Lời Chúa cư ngụ dồi dào trong anh em” để các thành phần trong gia đình của anh chị em sẽ là đền thờ Chúa ngự và cùng giúp nhau tìm kiếm và sống theo ý Chúa.

Lm Giuse Mai Văn Thịnh, DCCT
22/12/21

“Đây là người” Gioan (19,5)

Nguyễn Duy Vũ

Đức Giêsu là một con người thật đã được lịch sử minh chứng. Nhưng trong suốt mấy thế kỷ đầu tiên, câu này đã gây ra những tranh luận gay gắt. Ngài là người anh em thật, hay chỉ giống như, hoàn toàn hay chỉ một phần nào? Ý niệm Đức Giêsu đã là đồng bào của chúng ta như thế nào, đã chia sẻ thân phận làm người ra sao, thiết tưởng mang một tầm quan trọng hơn bao giờ hết ngay trong thời đại hiện nay. Vì chỉ khi biết được Đức Giêsu là con người như thế nào, chúng ta mới biết thân phận *con người* là gì, Kitô hữu phải sống thế nào để thành toàn nhân tính của mình, để đạt được lý tưởng của con người.

Vài dẫn nhập

Cho tới nay, bốn Phúc Âm vẫn là nguồn căn bản cho chúng ta biết về cuộc đời của Đức Giêsu. Nhưng những sách ấy không phải là những bộ tiểu sử theo tiêu chuẩn khoa học hiện đại, nhưng là những giáo lý cho các đối tượng tín hữu tiên khởi. Vì thế, không những chân dung Đức Giêsu không được thuật lại giống như nhau trong bốn Phúc Âm, mà đôi khi còn có vẻ mâu thuẫn với nhau.¹

Có hai kiểu chân dung chính. Một đàng Đức Giêsu được thuật lại trong ba bộ Nhất Lãm: Mát-thêu, Mát-cô và Lu-ca, thường là người sinh hoạt bình thường, ăn ở cách tự nhiên như mọi đồng bào Do Thái. Đàng khác, trong Tin mừng Gioan Đức Giêsu đôi lúc siêu thường, là nhân vật có lối nói cách lạ lùng.

Các học giả và các nhà thần học thời nay có nhiều thái độ khác nhau trước hai kiểu chân dung ấy:

- Có người cho chân dung trước là khách quan và coi chân dung sau là thần thoại.
- Người khác chấp nhận chân dung sau như là diễn dịch thần thoại tôn giáo và giải thích những điều phi thường trong cuộc đời Đức Giêsu là những chuyện bịa đặt sau này từ lòng tin vào Đấng Phục Sinh.
- Có người chủ trương không ai có thể hiểu biết gì chắc chắn, tức giữ thái độ bất khả tri, *agnostic*.

¹ Boers, H., *Who was Jesus? The Historical Jesus and the Synoptic Gospels*, San Francisco: Harper & Row 1989.

- Có thể nói hiện nay đa số Kitô hữu đón nhận một cách vô điều kiện, đôi lúc thụ động. Một số với lối trường thành, năng động tìm hiểu đức tin tôn giáo nhận lãnh bằng tìm hiểu tất cả những dữ liệu và phân tích chúng bằng phương pháp sử học, triết lý, tôn giáo đối chiếu.

Vào thế kỷ II, trong thế giới Hy Lạp xuất hiện một trào lưu tư tưởng gọi là *Gnosticism*, *Ngộ Giáo* rất đa dạng, pha trộn các yếu tố Đông Phương, Hy Lạp, Do Thái Giáo và Kitô Giáo nhưng đặc biệt là thuyết nhị nguyên: coi thế giới vật chất là xấu xa mà Thiên Chúa là tốt lành nên không thể sáng tạo nên thế giới đó được. Con người trong thế giới ấy chia làm ba loại: kẻ “vật chất”, *ilico*, người “hồn phách”, *psychico*, và nhóm “nhân khí”, *pneumatico*. Loại thứ nhất không thể cứu độ, loại thứ hai phải biến đổi, còn nhóm thứ ba làm gì cũng chẳng phạm tội. Trào lưu tư tưởng này không có chỗ cho màu nhiệm nhập thể vì xác là vật chất xấu xa, chủ trương Đức Kitô không có thân thể thật mà chỉ có vẻ là một thể xác.²

Giáo phụ Tertullian (155-220) bênh vực nhân tính đích thực của Đức Kitô, tuyên bố: *caro salutis est cardo*, xác thịt là trục cứu độ, rồi giải thích rằng nếu Đức Kitô giả mạo đời sống xác thịt thì mọi sự Ngài đã làm qua thân xác thì đều giả hiệu. Nếu phần hữu hình không thật thì làm sao tin được phần vô hình? Nếu thân xác không thật thì không chịu khổ nạn, không lập công cứu chuộc được và nghĩ như vậy đảo lộn tất cả công trình Thiên Chúa³.

Mãi cho tới hơn 300 năm sau, Công Đồng Chalcedon (451) đã giải quyết vấn đề này: Đức Giêsu là con người, hoàn toàn “đồng bản tính với chúng ta” (DS 301).

Vậy con người thật Đức Giêsu trong lịch sử như thế nào?

Đức Giêsu là một người Do Thái

Hầu hết các học giả và các thần học kể cả các vị trong Công giáo ngày nay đều cho rằng bối cảnh lịch sử và xã hội Do Thái trong thời Đức Giêsu là điểm chốt yếu khi tìm hiểu con người, sứ vụ của Ngài và kể cả những nghiên cứu Tân Ước trong việc diễn giải thần học Thánh kinh.

Hiện nay rất nhiều sách báo viết về chủ đề này.⁴ Là một người Do Thái có nghĩa là Ngài thuộc về một chủng tộc, một tôn giáo, một nền văn hóa với những truyền thống cụ thể. Ngài lớn lên trong môi trường giáo luật của đạo Do thái, nói tiếng Aramaic một ngôn ngữ thịnh hành trong xứ Judea vào thế kỷ thứ nhất và lý luận theo lối phạm trù đạo đức triết học Sêmit, *Semitic*.

Phong tục Do Thái thời ấy rất bài ngoại và người ta thấy điều đó rải rác nơi các phản ứng Đức Giêsu. Thí dụ khi Ngài gọi người đàn bà xứ thành Tyre là con chó như dân Do Thái quen gọi dân ngoại (Mc 7:24-30). Tương tự như vậy, Đức Giêsu gọi vua Hêrôđê là con cáo (Lc 13:32) vì ông ta là người lai và là tay sai của đế quốc Rôma. Ngài chỉ thị các môn đồ “đừng đi về miền các dân ngoại, cũng đừng vào thành nào của dân Samaria” (Mt 10:5) khi phái họ đi rao giảng. Thái độ tiêu cực về dân ngoại của dân Do Thái cũng được biểu lộ qua quan niệm cho rằng dân ngoại quá lo lắng tìm kiếm nhu cầu vật chất thế gian (Mt 6:32), còn các lãnh tụ của họ thì độc tài cai quản (Mt 20:25). Thật ra dân Do Thái, đồng bào của Ngài, thời đó có tốt gì hơn đâu.

Diễn đạt các phản ứng như thế cho thấy Đức Giêsu là một con người đã hội nhập văn hóa Do Thái thật sự. Nhưng trải qua kinh nghiệm đời sống có lẽ đã dạy cho Ngài biết vượt qua những thành kiến

² Rudolf, K., *Gnosis*, San Francisco: Harper & Row 1983.

³ Pelikan, J. J., *Jesus Through the Centuries: His Place in the History of Culture*, Harper Collins 1987.

⁴ Vernes, G, *Jesus the Jew*, Philadelphia: Fortress 1973; Hagner D. A., *The Jewish Reclamation of Jesus: An analysis and Critique of the Modern Jewish Study of Jesus*, Grand Rapids 1984; Charlesworth, J. H. (ed), *Jesus' Jewishness*, New York: Crossroad 1991; Witherington, B., *The Jesus Quest: The Third Search for the Jew of Nazareth*, Downers Grove, Ill, 1995.

sai lầm ấy: Ngài đã khoan hồng trước thái độ tin tưởng kiên nhẫn của bà thành Tyre kể trên và chữa lành cho con gái bà. Ngài khen ngợi lòng tin của vị sĩ quan của đế quốc chiếm đóng Rôma (Mt 8:10) và tuyên dương người xứ Samaria nhân hậu làm mẫu gương tiêu biểu cho dân Chúa (Lc 10:37). Rồi trên đường hướng về Jerusalem khi thấy Ngài, vì luật thời ấy không được sinh hoạt trà trộn, lấp ló từ xa mười người phong hủi vang tiếng kêu xin Ngài rủ lòng thương xót. Đức Giêsu sau khi ra tay cứu chữa, sai 10 người ấy tới gặp các vị tư tế để trình báo đã được lành lặn theo quy luật. Nhưng rồi tỏ ra kinh ngạc khi thấy chỉ độc nhất một người quay trở lại để tạ ơn tôn vinh Ngài, mà người đó lại là một người ngoại giáo: “Thế thì chín người kia đâu?” (Lc 17:11-1), Ngài thốt lên. Thành kiến bài ngoại của dân Ngài, và nhất là nhóm kiêu hãnh Pharisees sau khi chứng kiến, trong câu Phúc Âm kế tiếp, oái ăm chất vấn Ngài về Nước Trời bao giờ sẽ tới? (Lc 17:20).

Trải qua bao thăng trầm lịch sử, cho tới ngày nay một số người nhận mình thuộc dân Ngài, qua những bức “thành” mà họ tự xây, nghĩ mình “đầu cao mắt sáng”, có còn đủ lòng khiêm nhường để từ bỏ lối nhìn về dân ngoại mà họ cho là “trần tục”, *secular*, như thời Đức Giêsu không?

Phúc cho những người nghèo khó vì nước Trời là của họ

Nhưng người nghèo là ai và nước Trời ở đâu?

Ani trong Cựu Ước theo nghĩa đen là “đau khổ”. Những người không có tiền của, quyền thế chỉ biết ngước lên Thiên Chúa chỉ vì là Đấng đoái nghe những lời than van của họ (Tv 9-10). Dưới thời Đức Giêsu, nghèo khổ và bất công là một vấn đề xã hội đích thực. Thêm vào đó, giáo luật “thanh sạch” góp phần tăng lên số những kẻ bị hắt ra bên lề xã hội hoặc bị loại ra khỏi cộng đoàn tôn giáo. Như thế người nghèo còn bao gồm những người tội lỗi công khai, các phụ nữ, các trẻ mồ côi, kẻ thất học, người bị tâm thần, và những thành phần không thể đáp ứng được những tiêu chuẩn tôn giáo của hàng tư tế và nhóm Phariseu.

Chủ đề nước Trời rất quen thuộc với dân Do Thái thời Đức Giêsu mà có người giải thích nước ấy theo nghĩa tự do khỏi ách thống trị Rôma. Những người Do Thái khác thì hiểu nước ấy trong bối cảnh rộng lớn tức là nguồn hy vọng cứu độ, messiah, của Israel trong Cựu Ước.

Trong sứ điệp rao giảng của Đức Giêsu, nước Trời là một biểu tượng rất đa dạng. Nước ấy “đang đến gần”, “sắp đến”, “trong tầm tay” (Mc 1, 15; Mt 10, 7; Lc 10, 11). Người ta được mời gọi vào nước ấy (Mc 9, 57; 10, 23-25; Mt 5, 20; 18, 3; Ga 3, 5) hoặc “tìm kiếm nước ấy” (Mt 6, 33; Lc 12, 31). Một số người không xa nước ấy (Mc 10, 15; Mt 7,21). Nước ấy là một bí mật chưa được mạc khải cho mọi người; nhưng có những “chìa khoá” được ban cho một số người để mở cửa vào nước ấy (Mt 16,19). Nước ấy hầu như “đã đến trên các người”, (Lc 11, 20) hoặc “ở giữa các người” (Lc 17,21). Điều này có nghĩa là Thiên Chúa hiện đang bày tỏ triều đại Ngài, bày tỏ hành vi cứu độ của Ngài trong đời sống con người mà Đức Giêsu đang làm sáng tỏ trong lúc công bố sự tha thứ tội lỗi và tình bằng hữu của Ngài.

Quyền bính hàm chứa trong lời công bố tha thứ tội lỗi của Đức Giêsu đã bị nhóm Phariseu phản đối vì “chỉ mình Thiên Chúa mới có thể tha tội thôi chứ!” (Mc 2, 7). Phúc lành này, theo người Do Thái thời ấy, chỉ có được vì là thành viên của cộng đoàn dưới luật Torah và Đền Thờ mà Đức Giêsu ám chỉ Ngài đã thay thế và Thiên Chúa liên minh với Ngài.

Đồng bàn trong bữa ăn đóng một vai trò trong sứ vụ Đức Giêsu vì qua đó Ngài thể hiện tình bằng hữu để cho thấy sự hiện diện của nước Trời (Mt 11, 18-19). Chia sẻ bữa ăn thời ấy, cũng như hôm nay, là dấu chỉ của sự hiệp thông mà luật thanh sạch Do Thái cấm tín hữu đồng bàn với những kẻ không thanh sạch hoặc không giữ lề luật. Đức Giêsu tương đối hóa luật thanh sạch bằng lời dạy

rằng “không có gì từ ngoài vào có thể làm con người trở ra ô uế, chỉ những gì từ trong người ta ra mới làm cho người ta ra ô uế” (Mc 7, 15). Tình bằng hữu qua việc đồng bàn của Ngài ám chỉ đến những kẻ tội lỗi, những kẻ bị các vị thẩm quyền tôn giáo coi là không tuân giữ luật. Qua đó Đức Giêsu cho thấy nước Trời mở ra cho tội nhân, nhưng không có nghĩa là Ngài đồng thuận với tội lỗi của họ mà là đảo lộn mô hình thông thường tức là hoán cải rồi mới được hiệp thông. Việc Ngài hiệp thông với tội nhân nảy sinh ra việc hoán cải.

Nước Trời cũng mang một chiều kích tương lai khi Đức Giêsu dạy các môn đệ đọc kinh Lạy Cha, “Nước Cha trị đến” (Mt 6, 10; Lc 11, 2); một cụm từ trừu tượng hơn để diễn tả niềm hy vọng cánh chung. Chiều kích ấy, mặc dầu mang một ý nghĩa lớn và một tầm quan trọng mới của Đức Giêsu phục sinh, không thuộc vào phạm vi đề tài bài viết này.

Sắc thái con người Đức Giêsu đối diện cái chết

Theo triết Hiện sinh, “cái tôi” hay bản ngã của mỗi con người đều mang tính độc nhất và bất khả thông. Các triết gia hiện sinh cùng đồng ý cho rằng cá tính của người càng phong phú và sâu sắc, thì đối thoại với tha nhân càng dễ bị thu hẹp, tức phải chấp nhận sống cô đơn nhiều hơn vì không lắm ai hiểu thông tâm tư mình để chia sẻ.

Suy diễn từ ý niệm ấy buộc ta nghĩ rằng tính độc nhất của bản ngã Đức Giêsu phải cao hơn bất cứ con người nào khác. Có ai trong đời mang nặng nề nhất những nỗi niềm riêng tư mà không thể chia sẻ với người khác được thì quả thật đó phải là Ngài. Làm sao không thể không ngạc nhiên trước mâu nhiệm về bản thân mình khi Ngài ý thức về sự kiện trong con người mình một “điều gì” khác thường không giống ai chung quanh mình biết? Làm sao để nói lên, làm sao để diễn tả câu hỏi then chốt “Tôi là ai?” cho người khác biết được. Có lẽ chỉ trong những giây phút thinh lặng chìm sâu vào nội tâm khi cầu nguyện, Ngài lắng nghe được một tiếng gọi, tiếng gọi ấy là của Cha Ngài, “Abba” (Mc 14:36), một từ “bí mật” mà khoa chú giải Kinh Thánh đã tìm được. Chỉ qua tiếng gọi Abba, thiết tưởng Đức Giêsu đã truyền đạt cho nhân loại hiểu được phản ứng của Ngài trước mâu nhiệm về chính con người mình.

Con người hiện sinh khi đối diện những lựa chọn cho số phận tương lai mới nhận thấy rõ là chính mình phải đơn độc quyết định không ai có thể sống hay chết thay thế mình được. Ngài quyết định rời bỏ quê hương Nazareth, lên đường tìm gặp Gioan Tẩy Giả chịu phép rửa rồi vào sâu vùng hoang vu tĩnh tâm, sửa soạn tâm trí trước khi bước vào sứ vụ công khai. Hình dung dáng Ngài do dự ngập ngừng lủi thủi một mình trong đêm tối bước lên núi cầu nguyện cùng Chúa Cha (Lc 6:12) trước khi tuyển chọn các tông đồ. Đứt khoát từ bỏ con đường chính trị khi được quần chúng ủng hộ, Ngài đã tránh đám đông một mình trốn lên lại vùng đồi núi (Ga 6:15). Chúng ta không thể kết luận nào khác là trong mọi trải nghiệm đời sống, trong mọi ý tưởng và cảm xúc, trong mọi ước muốn và quyết định, trong mọi lời nói và việc làm, Đức Giêsu đơn độc, can đảm đối diện những thử thách cuộc đời.⁵

Tượng Giêsu chịu nạn mô tả một con người trong tình trạng cực kỳ cùng khốn: trần trụi, yếu nhược và đang bị phơi bày trước mặt công chúng một cách bi thảm. Khuôn mặt hằn lên nỗi đớn đau khiến người ta cảm thấy một dấu chỉ tuyệt vọng hơn là hy vọng.

Vì sao Ngài bị giết chết? Ai chịu trách nhiệm, các nhà lãnh đạo Do Thái hay chính quyền Rôma? Tội gán cho Ngài có dính líu tôn giáo hay gây nên cơ nguy cho giới quyền lực thời ấy? Chúng ta hãy nhìn qua góc cạnh lịch sử để tìm những trả lời về nguyên nhân đã đưa Ngài tới cái chết tử hình:

⁵ Malatesta, E., “Jesus and Soliness,” *The Way* 1976, p. 250.

- Tại phiên tòa trước thượng hội đồng Do Thái, lời chứng cáo buộc Đức Giêsu tội đe dọa phá đền thờ, nói phạm thượng, một tiên tri giả muốn trở thành đấng Mêsia, *Messiah*:
 - “Ta sẽ phá hủy Đền Thờ do tay con người làm ra này và trong ba ngày Ta sẽ xây lại một đền thờ khác không do bàn tay con người làm nên” (Mc 14, 58).
 - “Phải chính thế. Tôi là Đấng Kitô, Mesia, Con của Đấng đáng chúc tụng” (Mc 14, 62).
- Đức Giêsu nổi giận trước việc buôn bán trong Đền Thờ (Mt 21, 12-13; Mc 11, 15-16; Lc 19, 45-46; Ga 2, 20) là một hành động đã gây lên một ấn tượng lớn cho giới quyền hành mà hầu hết các học giả hiện đại đồng ý rằng đó là lý do chính khiến Ngài bị bắt giữ và hành quyết⁶. Hành động trong Đền Thờ không phải như một cuộc tranh cãi sự bóc lột về mặt kinh tế hoặc các luật lệ Do Thái về sự thanh sạch nhưng một hành động tượng trưng cho việc Đền Thờ sẽ bị phá hủy. Đuổi những người đổi tiền và buôn bán ra khỏi Đền Thờ là cắt đứt nguồn cung cấp thú vật cần thiết cho việc dâng lễ hy sinh và như thế đóng cửa việc thờ phượng ấy đã đánh vào một thể chế tôn giáo chính của Do Thái giáo.

Những lời buộc tội trên vừa có tính tôn giáo vừa có tính chính trị. Nhưng làm sao tách được thần học Tân Ước ra khỏi lịch sử nằm sau cái chết của Đức Giêsu?

Sau hết khi đặt vấn nạn Đức Giêsu đã tự cảm thấy thế nào khi đối diện cái chết của mình, người ta khảo sát kỹ hơn về bữa ăn cuối cùng của Ngài cùng các môn đệ. Bữa Tiệc Ly cho thấy rằng Ngài tự do chấp nhận cái chết như một phần của cuộc đời và sứ vụ của Ngài. Đây không đồng nghĩa với việc gán cho cái chết của Ngài hiệu quả cứu độ. Nhưng rõ ràng là cho dù thất bại, cái chết của Ngài dường như đã cho các môn đệ hiểu rằng, bên kia cái chết, không phải tuyệt vọng mà là lòng tin tưởng một sự hiệp thông mới vào Thiên Chúa mà Ngài gọi là Abba.

Toàn bộ cuộc đời của Đức Giêsu là công bố triều đại của Thiên Chúa như triều đại của lòng thương xót, của tự do và hòa bình. Hơn thế, qua hành động Ngài đứng lên chống lại mọi hành vi, mọi sức mạnh của bạo lực, bất kể dưới hình thức nào làm tước mất phẩm giá con người và chối bỏ tự do của họ cho dù phải chấp nhận mất cả mạng sống chính mình.

Thập giá, vượt lên khỏi sự dữ, biểu tượng đức tin và hình ảnh của Kitô giáo, lúc ấy trở thành sự chiến thắng của Đức Kitô, của màu nhiệm Cứu Độ. Từ thế kỷ thứ ba, các Kitô hữu đã làm dấu thánh giá. Tertullian nói: “Chúng tôi làm dấu thánh giá khắp mọi nơi, khi đi vào hay ra khỏi nhà, lúc thay đồ, mang giày, ngay khi tắm rửa, trước và sau các bữa ăn, khi thấp đèn, khi đi ngủ hoặc lúc ngồi xuống, và trong tất cả mọi hoạt động thường ngày”⁷.

Cuộc đời như chuyến tàu đưa chúng ta đi đều đặn, phút này sang phút khác, ngày này sang ngày khác, năm này sang năm khác. Điều đặn nhưng dứt khoát kéo trôi chúng ta đi. Điều đặn cũng có thể gây nên nguy cơ vì làm chúng ta ngủ quên mất. Chuyến tàu cuộc đời dẫn đưa chúng ta về cõi vĩnh hằng và bất cứ khi nào nó có thể dừng lại sân ga phải đến. Điều ấy có nghĩa là, thêm một phút sống là thêm một phút chúng ta còn được gia hạn, thêm một ngày sống là thêm một ngày gia hạn, để chúng ta có thể còn cơ hội hoán cải hay thay đổi để đạt tới được ý nghĩa cuộc đời chúng ta mong muốn. Nhưng thay đổi cái gì trong đời sống? Hoán cải đời sống, nhưng hoán cải so với cái gì? Có lẽ mẫu người duy nhất là Đức Giêsu. Như Đức Giêsu, chúng ta sống bác ái cách cụ thể, hiện thực, qua

⁶ N.T. Wright, *Jesus and the Victory of God*, Minneapolis: Fortress, p. 405; Walter Jasper, *Jesus the Christ*, New York: Paulist, 1976, p. 117; Raymond E. Brown, *The Death of the Messiah*, New York: Doubleday, 1994, p. 460.

⁷ Haight, *Jesus: Symbol of God*, (N. Y.: Orbis, 1999) 345-47; Jon Sobrino, *Jesus the Liberator: A Historical-Theological View* (Maryknoll, N. Y.: Orbis, 1993) 228-30.

những gặp gỡ hàng ngày, giữa mạng lưới tương quan dày đặc trong cuộc đời độc nhất của mỗi người chúng ta.⁸

Nguyễn Duy Vũ

(Đầu tháng mười một 2021, kính nhớ linh hồn những người thân yêu đã già biệt cõi trần.)

Đằm Mình Trong Vững Tội? *(tiếp theo)*

Gm John Shelby Spong

Chương 4

Ly dị: không phải lúc nào cũng là chuyện sai quấy

Mối tương-quan giữa việc thống-trị và mức chịu đựng của người bị ép uổng, là mẫu mã cũng khá thường khiến hôn-nhân theo kiểu xưa/cũ vẫn tồn-tại ở xã-hội do nam-nhân làm chủ. Xưa nay, trên mọi mãnh-lực, đã biến mất thế quân-bình trụ cột của xã-hội, vốn dĩ góp phần vào việc phá đổ thể-chế hôn-nhân như xã-hội ưa từng diễn-giải. Quả thật, điều đó vẫn diễn-tiến liên-tục cả vào hôm nay, hết như mức-độ ly-dị cứ thể lan tràn khắp nơi, và rồi dần dà đi vào tình-huống hết thuốc chữa.

Từ một khởi-đầu ít thấy rõ trải qua nhiều thế-kỷ, uy-thế khác biệt giữa phái-tính đã tăng nhanh theo mức-độ khó lường. Ở tầm-mức cách-biệt đến cả thập-niên, toàn-bộ xã-hội nay đã nhạy cảm hơn đối với giới-tính, ngoại trừ ngôn-ngữ của dân gian.

Truyền-thông báo chí khi xưa thường nói nhiều về người lính cứu-hỏa và cả đến nhân-vật coi sóc hoặc sở-hữu các cơ-quan biệt-lập. Giáo-hội của Chúa, lại cũng qui về với dân con Đức Chúa, là Đấng tạo đặc-trung chân-phương nơi thể-chế mẫu-hệ cũng như phụ-hệ.

Nhiều ngành/nghề mà 50 năm về trước không ai nghĩ rằng: họ có thể giao-phó cho “đàn bà” làm chủ, thì nay đã hoàn-toàn mở rộng cho phái nữ phụ-trách. Ngay đến hôn-nhân vốn đặt nặng cung-cách phụ-hệ cũng đã lui vào dĩ-vãng, để lại một xu-thế khó cưỡng lại.

Trước khi bàn về những phạm-vi có tác-dụng như ly-dị, có lẽ ta cũng nên để mắt nhìn về khía-cạnh nguyên-nhân và triệu-chứng diễn-biến theo trình-tự đổi thay. Đã hẳn, chỉ số ly-dị ở mức-độ cao tít cũng đã tượng-trưng cho thứ gì đó khá tích-cực chứ không tiêu-cực như trước, nếu đem so với đời sống con người thời nay.

Những năm tháng trải dài vào cuối thế kỷ thứ 19, việc phát-minh ra kính hiển-vi lại cũng cho phép người phàm mắt thịt (chí ít là, mắt và thịt đàn ông bao giờ cũng ở tư-thế “hơn hẳn”) để rồi, lần đầu tiên trong đời, ta có thể sử-dụng con mắt thể xác nhìn vào noãn-sào phụ-nữ cũng rất dễ. Đã từ lâu, người người đều biết đến sự hiện-hữu của noãn-sào trong cơ thể người nữ, nhưng chắc chắn chưa ai thấy được những thứ tương-tự, bằng mắt thịt. Thành thử, sự trùng-hợp giữa lý-thuyết và dữ-kiện là sự thật đầy kịch-tính đã diễn ra trong lịch-sử loài vốn tạo nhiều hệ-lụy đi xa hơn cả địa-hạt khoa-học.

Sự-kiện này cho thấy, duy chỉ một lần, là: phụ-nữ là đối-tác đồng-đều mọi mặt so với nam-nhân trong tiến-trình sản-sinh con người. Ngày nay, sự việc tương-tự đã trở thành chuyện thông thường ở

⁸ Lm Hoàng Văn Linh, “Sống cho ra sống”, *Bài Giảng Chúa Nhật năm C*, (Nhà Sách Đức Bà Hòa Bình, Việt Nam 2012) Trang 94-96.

huyện tuy cũ/xưa, nhưng nguồn-gốc mọi sự đã khiến nó trở-thành hiện-thực lại là sự việc tạo ngộ ngang thật không nhỏ.

Rõ ràng, từ những thứ và những sự tràn đầy tính thần-thoại, hiểm-học hoặc húy-ky như tập-quán dân-gian tiền-sử hoặc các nối-kết giữa việc ăn nằm xác thịt với hiện-tượng thụ thai là những thứ mà con người thời trước hiểu biết không được rõ cho lắm.

Tác giả *Jean Auel*, trong cuốn tiểu-thuyết do bà viết về “Sự sống con người thời đồ đá” (*1) đã cho rằng: sự khôn-ngoan của loài người vào thời ấy vẫn được hiểu theo cách kỳ lạ vốn dĩ bảo rằng: “thần-khí” của nam-nhân từng bị nữ-giới bắt chộp để rồi buộc hai người phải chấp nhận có thai nhi trong bụng dạ người mẹ.

Thời-khắc chín tháng mười ngày, kể từ khi thụ thai/cưu mang cho đến khi sinh nở, đơn giản cũng hơi dài đối với đáng bậc phụ mẫu, khiến các vị hiểu thêm nguyên-nhân và hậu-quả xảy đến với cuộc sống của chính mình. Tất cả những gì người thời đó biết được, chỉ gồm mỗi việc là: phụ-nữ sinh em bé theo cách nào đó, vẫn là chuyện sê-san uy quyền lĩnh hội từ trái-đất-là-mẹ.

Thoạt vào lúc nam-nhân nắm quyền sinh-sát hết mọi sự, ai ai cũng thấy được sự việc này dấy lên từ bảy đến mười ngàn năm trước qua đó vai-trò người phụ-nữ là kẻ chấp-nhận thần-tính của trẻ bé nay giảm dần theo tầm nhận-định của dân đen ở mọi thời.

Nhiều xứ sở thuộc Địa Trung Hải, vào thời Đức Kitô vừa xuất-hiện, tầm nhìn của mọi người vốn dĩ chấp-nhận việc sản sinh lại đã bàn luận rằng: toàn bộ tiềm-năng của trẻ bé đã hiện-diện nơi tinh-trùng của nam-nhân. Đàn ông chính là người đã trồng cấy thai-nhi nơi cung lòng vô tính của người bạn đời của ông và đối tác của ông lại vẫn không gây trồng thêm thứ gì khác vào sự việc thiết-dựng mầm “gien” của trẻ bé, nhưng ông chỉ sử-dụng nó như một thứ lòng ấp thai-nhi là sản-phẩm của ông, mà thôi.

Ngôn-ngữ loài người từng phản-ảnh tầm nhìn không chính-xác về việc tiếp-thụ thai-nhi. Bởi, lâu nay ta vẫn qui vai-trò của người nữ trong việc cưu-mang trẻ bé như thể bảo:

“Bà ta có em bé là do ông ấy cấy tạo, thôi”.

Tuy nhiên, nữ-giới lại cũng nghĩ là: mình có trách-nhiệm tạo nên giới tính cho trẻ bé; bởi thế nên người nữ nào không thể sinh con trai cho chồng, đều bị quở trách. Không sinh con trai cho chồng, điều này có nghĩa: nữ-tính của bà không “tiếp thụ” cho đủ và tình-trạng hiếm muộn đây có nghĩa: phụ nữ nào ở vào tình-trạng như thế đều bị coi như không là vật dụng để chứa đựng một cách chính-đáng.

Nhất-định là, lập-trường này mang thiên-kiến ngả về phía nam-giới. Và điều này, cho thấy: truyện kể của nhà Đạo mô-tả sự việc Hải Nhi Giêsu sinh ra từ cung lòng người mẹ còn trình-tiết cũng chỉ là chuyện hoang-đường, thôi. Bởi, Đức Giêsu dù Ngài có muốn làm Đức Chúa Con hay sao đó, thì chỉ mỗi nam-giới mới bị rút khỏi tiến-trình sinh sản, thôi.

Sự việc này, không làm giảm-giá khẳng-định mà mọi Kitô-hữu thời tiên-khởi đều nghĩ: Đức Giêsu có nguồn-gốc thánh-thiên giả như Thân-Mẫu Ngài là người phạm; bởi lẽ, Thân Mẫu Đức Giêsu chỉ là người cho mượn cung lòng để đón-nhận và dưỡng nuôi thai-nhi Giêsu, mà thôi.

Khi tiến-trình truyền mầm gien thuộc hai phái-tính được mọi người hiểu rõ, thì việc chọn lựa đối-tác cho nam-nhân đã trở-thành quyết-định có tầm quan-trọng rất lớn. Nam-giới không chỉ lập gia-đình vì tình-hướng kinh-tế xã-hội đặc-biệt, nhưng các vị còn gia-nhập vào vũng lầy nhiễm-sắc-thể khả dĩ định-đoạt tiềm-năng cá-thể của trẻ bé.

Đó là lý-do cho thấy: tại sao chỉ mỗi việc nhìn thấy trứng bằng kính hiển-vi thôi, cũng đã là sự-kiện quan-trọng trong hành-trình kiến-tạo bình-đẳng cho cả nam lẫn nữ. Tình-trạng phụ-nữ có gia-đình không thể diễn-tiến tốt đẹp hơn, đến khi nào vai-trò của hai phái-tính được kiến-tạo đồng đều, trong sinh sản.

Biến-chuyển quyền-lực nói ở trên, lâu nay cũng được ghi-nhận cả trong phụng-vụ nữa. Có một thời, nghi-thức hôn-phối trong Đạo đòi cô dâu phải thề sẽ yêu thương, trân trọng và vâng phục

chồng mình suốt đời mình. Vâng phục, là đặc-trưng thích-đáng giữa chủ/nô, giữa bậc cha mẹ và con cái, đôi lúc còn là tương-quan giữa chủ nhà và thú nuôi làm cảnh.

Chắc chắn, đây không là quan-hệ hổ-tương và đồng hạng. Quả thật, duy nhất chỉ xã-hội nào tin rằng phụ-nữ ở giai-cấp thấp hèn hơn nam-nhân mới đòi người nữ thê-nguyên vâng-phục đức ông chồng của mình, suốt một đời. Lời nguyên này, nay bị loại bỏ khỏi mọi nghi-thức hỏi/cưới, ít ra cũng trở-thành việc tùy chọn ở mỗi gia-đình, khởi từ đầu thế-kỷ thứ hai mươi cho đến nay.

Nhiều gợi nhớ tế-nhị cho thấy tình-trạng phụ-nữ thuộc giai cấp ở dưới khiến ta không thể xóa bỏ trạng-hướng ấy. Mãi đến thập niên 70s, trong Sách Kinh Chung qua đó cô dâu được yêu-cầu “sống chung thủy” với chồng, trong khi chú rể lại chỉ buộc phải “hứa” sống trung-thực, mà thôi.

Cao điểm của lễ cưới theo truyền-thống trong đó vị chủ-sự phụng-vụ công-nhận rằng việc phối-kết hoàn-tất, đã đồng dục tuyên-bố:

*“Tôi long trọng tuyên bố
anh/chị nay trở-thành vợ-chồng, kể từ đây.”*

Có thể nói, chú rể với tư-cách là nam-nhân cùng phái-tính với vị chủ-sự lễ, nên các hành-xử hoặc động-tác phụng-vụ giống như xưa, chẳng thay đổi quá-trình/lai-lịch chút nào hết.

Tuy nhiên, với nữ-phụ thì sự việc lại trở nên mới mẻ, như sự thể cho thấy: người vợ, dựa vào cơ-chế luật-pháp đính kèm được dùng để kiểm soát cá-nhân bà mà thôi. Chính vì lý-do đó, phụng vụ mới đã khiến đôi bên hạ quyết-tâm theo cách đồng đều, để rồi cả hai bên nay tuyên-bố những câu đại để bảo rằng:

“Đây là lời thề long trọng của tôi”,

và khi đó vị chủ sự mới tuyên bố hai bên nam/nữ đã thành vợ thành chồng với nhau.

Tuy thế, thay đổi này cũng chỉ là đổi thay hết như đổi thứ mỹ-phẩm bên ngoài mà thôi. Bởi lẽ, biểu-trưng cuối cùng này cho thấy vai-trò người nữ đã và đang xuống giá cả trong hôn-nhân vẫn tồn-tại qua khuôn khổ của câu nói chính-thức của vị chủ-sự, hỏi rằng:

*“Ai cho phép chị
được lấy anh này làm chồng vậy?”*

Thông thường, người cho phép nói ở đây là cha đẻ của cô dâu, tức: người dắt tay cô dâu xuống lòng nhà thờ trả lời:

“Người ấy là tôi đây.”

Như thế có nghĩa: người đàn ông này trao cô gái con đẻ của mình cho một người đàn ông khác, thôi. Nói thế tức bảo rằng: người ta không thể cho đi những gì mình không có. Điều này, lại cũng ám chỉ bảo rằng: cô dâu lâu nay là vật sở-hữu của người cha đẻ ra cô. Thế nên, cô có thể bị cho đi hoặc đôi khi còn được bán với giá nào đó làm của hồi-môn cho một người đàn ông nào khác.

Và, sẽ có nhiều điều tế-nhị lại cũng làm nổi bật nghi-tiết phụng-tự xưa nay vẫn dần dà đổi thay. Và cũng vì thế, nên cha ruột đẻ ra cô cũng muốn phân-bua đôi điều, mà bảo rằng:

“Điều đó, do bởi mẹ cháu và tôi định-đoạt”.

Và có lúc, cả ông bố lẫn bà mẹ đều lên tiếng bảo:

“Chuyện đó do bọn tôi mà thành.”

Sách Kinh Chung ấn hành năm 1979 có chỉnh-sửa từ-vựng “cho”, và thay vào đó bằng động-từ “*Đem ra trình diện*”; và *Sách Kinh* này còn đề-nghị chú rể cùng với cô dâu, đôi trẻ phải ra mắt hai họ, nữa. Tuy thế, nghi-thức phụng-vụ lại không bao gộp câu hỏi bảo rằng:

“Ai cho phép chú rể lấy cô dâu này thế?”

Bởi lẽ, làm thế tức như thể muốn thách-thức Phụng-vụ Hôn-nhân về tính-cách ngả về phía nam-nhân; thế nên, Giáo hội vẫn cứ để mọi người tùy nghi thực-hiện.

Lịch-sử lại cũng cho biết: theo cách cởi mở hơn thời trước, phụ-nữ thường không có uy hoặc phương-tiện kinh-tế, chính-trị cũng như xã-hội để thực-hiện mọi việc. Thành thử, các bà các cô cần phải dựa vào hôn-nhân làm phương tiện là để tạo cho mình sự an-toàn trong cuộc sống.

Xem thế thì, phụ-nữ chính là người bị giam hãm rất nặng, chẳng cần biết tương-quan vợ chồng sống với nhau có khiến cho đôi bên được sáng-khoái/mãn nguyện hoặc miễn-cưỡng, bởi ly-dị thường là biện-pháp không mấy tốt đẹp đối với phụ-nữ. Và, tòa án hôn-nhân thời nào cũng đều do nam-nhân kiểm soát. Nữ chánh-án, là sự-kiện chỉ mới xảy đến vào thế kỷ thứ 20, thôi. Luật sư cũng như bồi-thẩm-đoàn, chỉ là nhân-vật phụ mà thôi.

Các trường-hợp đưa dẫn hai bên đến tòa-án ly dị, hoặc đi vào hệ-thống mất quân-bằng về kinh-tế nền-tảng được thực-hiện qua tiền cấp-dưỡng con trẻ, dù đôi lúc cũng không là việc cần thiết gặp trường-hợp nữ-phụ là người mẹ bị qui trách mọi chuyện. Và khi ấy, phụ-nữ ly-dị chồng phải sống bằng tiền cấp-dưỡng xuất từ tiền túi của người phối-ngẫu đã cách-ly, do tòa định. Thành thử, nếu tính chuyện ly-dị, người phụ-nữ hết bị giam-cầm rồi lại bị giam-hãm, thôi.

Hơn nữa, tòa hoà-giải sẽ trở-thành bất-lực và thiếu hiệu-năng trong việc áp-đặt ly-dị; và nữ-phụ ly-dị cứ phải sống trong tình-trạng bấp-bênh liên-tục với hiện-trạng túng-thiếu, vô-vọng.

Trong thủ-tục ly-hôn, tài-sản ít khi được chuyển từ chồng sang vợ, vì phụ-nữ được xem là người không có khả năng đầu tư tương-xúng. Thế nên, nếu làm như thế sẽ bị xem như không thích hợp.

Trong nhiều vụ ly-hôn, bản ly-hôn có viết xuống là: tiền trợ cấp sẽ bị ngưng một khi tái-giá. Điều này có ý bảo rằng: khi một nam-nhân nào đảm-nhận trách-nhiệm kinh-tế cho nữ-phụ đã ly-dị, thì khi ấy sẽ được coi là có đóng góp cho kinh-tế cho chị đổi lại việc được hưởng ân-huệ xác thịt; và khi ấy, trách-nhiệm của người chồng cũ sẽ chấm-dứt.

Trong điều-kiện ấy, phụ nữ thường cũng tránh né ly-dị và người nữ-phụ phải cam chịu những hành-vi bạo-hành, phải chịu những cú tát đánh vào phẩm giá của chị do sự bất trung của người chồng đôi khi trắng trợn. Và, cứ thế tích-tụ lên mình chị, nhưng vì vấn-đề sống còn về kinh tế buộc chị phải ở lại với hôn-nhân đầy áp-bức.

Rất ít cơ hội tìm việc làm chờ người phụ-nữ không chồng ngoài những việc trong nhà, việc khó nhọc đồ mồi hôi hoặc làm gái thuê bao/mại dâm nên đôi khi không có cách nào khác hơn là ở lại với hôn nhân tàn-nhẫn, hung-bạo.

Bên đời ly dị, dù ở trường-hợp nào đi nữa thường vẫn là nam-nhân. Thi thoảng, gia-đình người nữ-phụ ở tư-thế tài-chánh và địa vị nào đó cho phép chị dám đòi ly dị. Cho dầu là như thế, ngay cả trường-hợp chị thừa hưởng khoản kế-thừa của gia đình mình đi nữa, vào thời-điểm của hôn-nhân vẫn luôn bị đặt dưới sự kiểm-soát của người chồng.

Chậm mà chắc, hồi cuối thế-kỷ thứ 20, tình-trạng độc-lập kinh-tế của nữ-giới cứ ngày một dâng cao trong khi đó chủ-trương độc-tài/toàn-trị của nam-nhân cũng dần dà giảm sút. Thoạt khi thế chiến thứ hai lôi kéo đám đàn ông/con trai đi vào cuộc chiến, thì nữ-giới lại vui hưởng tình-trạng gia-tăng quyền-lực kinh-tế.

Từ đó, ai cũng thấy là: sinh-hoạt lao-động bên ngoài xã-hội tuy không thuyên-giảm nhưng vẫn trở-thành hoạt-động yêu nước do chị em phụ-nữ đáp-ứng lời kêu gọi chấp-nhận làm việc nặng, tức: dám đảm-nhận những việc trước đây chỉ dành cho nam-giới, mà thôi. Và, truyền-thông phương Tây đã nhanh chóng quảng-bá cũng như hợp-thức-hóa tình-trạng có ‘một không hai’ này khiến phụ-nữ được ca-tụng là “*Bông Hồng đẹp nay làm thợ tán đĩnh*”.

Cả đến quân-lực, nay cũng bắt đầu tuyển-mộ lính-chiến phụ-nữ tham-gia Thế Chiến Thứ Hai nữa. Phụ nữ khi ấy, thực-hiện công-việc của thư-ký và bảo-quản hàng hóa vốn “xuất xưởng” nhiều binh-sĩ và thủy-thủ, một công-việc xưa nay do nam-nhân phục-vụ trong địa-hạt chiến-tranh.

Không ai lại nghĩ: một quân-đoàn gồm toàn phụ-nữ như thế, lại trở-thành cố-định hoặc có khi sản-xuất ra tướng tá, đề đốc và thuyền-trưởng, nhưng nay đã thành hiện-thực. Cũng có lúc, kỳ-vọng của nam-nhân là khi chiến-tranh chấm-dứt và mọi sự trở lại bình thường, thì phụ-nữ trở lại gia đình, về với tổ ấm thân thương, vui lòng giao lại các trọng-trách như thế cho nam-nhân. Rất ít người nghĩ là hương-vị từ quyền-uy kinh-tế sẽ tạo cho phụ-nữ lòng ước-ao sống biệt-lập

Sau thế chiến thứ hai, ai nấy vội vã quay về trường lớp để tiếp-tục học hành. Đấy kia, số nam-nhân trẻ và các cựu-chiến-binh vừa mới trở về từ chiến-trường cũng tìm đường nói rộng vòng đai chân trời của họ, bằng cách cố học cao hơn nữa. Ngay như phụ-nữ ai muốn có cơ-hội học-tập cũng không còn bị khước-từ như trước. Các đại-học ở tiểu-bang có ý ngăn-chặn phụ-nữ không cho nhập-học đều bị sinh-viên đấm đơn kiện tụng. Các trường trung-học từng kỳ thị nữ-giới cũng giám-sút số lượng học-sinh một cách đáng kể.

Cuối cùng thì, các trường tư trước đây chỉ dành cho nữ-sinh thôi nay đã bắt đầu chịu nhận nam-sinh để trở-thành tư-thực hỗn-hợp nam/nữ. Ngày nay, cả đến đồn lũy khoa-bảng có thời từng nổi danh qua chuyện bao gồm phần lớn là nam-sinh, nay cũng có tỷ-lệ nữ-sinh cao hơn trước. Cùng với dấu-hiệu kỳ thị giới-tính như câu lạc-bộ ăn uống chuyên phân-chia giới-tính, cuối cùng rồi cũng thấy nữ-sinh tràn ngập các trường chuyên-nghiệp kỹ-thuật, thương-mại, y-khoa và luật-khoa nữa.

Nữ-giới không còn bị hạn-chế chỉ mỗi làm chân thư ký, phụ tài-chánh, y-tá, chỉ lo mỗi chuyện vệ-sinh phòng ốc, hoặc phụ-tá luật-sư, thôi. Cơ ‘sóng thần’ bình-quyền đã bắt đầu nổi như cồn và chẳng thứ gì khiến mọi sự quay trở về vết cũ cả. Ngày nay, phụ-nữ đã đảm-nhiệm vai-trò chủ-tịch hoặc Giám-đốc ngân-hàng đầy đầy khắp nơi.

Phụ-nữ, nay cũng trở-thành bộ-trưởng tư-pháp, luật-sư đại-diện cho cả nguyên-đơn lẫn bị-đơn, khoa-học-gia, phi-hành-gia, và cả đến phẫu-thuật-gia, giáo-sư y-khoa và tăng-lữ nữa. Nói cách khác, ngày nay phụ-nữ có mặt ở khắp nơi, cả những địa-hạt mang tính quyết-định trong xã-hội người.

Ngày nay, mọi người còn định ra nhiều từ-vựng không mang giới-tính để mô-tả thành-viên cơ-quan hoặc tổ-chức mới nổi trong một thế-giới tân-tạo. Họ được gọi bằng tên rất mới như: “yuppies” (tức: chuyên-gia trẻ chuyên-động đang vươn cao), “muppies” (tức: chuyên-gia trung-niên đang chuyên-động), và các “dinks” (tức: những người có lợi tức gấp đôi, lại không con/cháu).

Với phụ-nữ, việc bắt buộc phải phụ-thuộc kinh-tế như giai-cấp thấp nay đã chấm-dứt. Ngay chuyện ‘cho không’ hoặc phát chần cũng dần dà biến-dạng, và việc phân-chia tài-sản đã được thay vào đó. Xu-hướng thông-dụng hiện giờ, là con người ngày nay, cả nam lẫn nữ, có cơ-hội đồng-đều trong cuộc sống, thế nên vốn liếng khi xưa tích-lũy nay ăn đồng chia đều.

Tuy nhiên, trong nhiều trường-hợp, giả-định này cũng không chính-xác cho lắm. Phụ-nữ có con nhưng không sống với chồng, đang trở-thành đại đa-số trong xã-hội.

Việc đôi bên phụ-thuộc nhau, là yếu-tố mạnh của hôn-nhân khi hai bên có cơ-hội đồng-đều trong giáo-dục, trong việc kiếm kế sinh-nhai và có chỗ đứng ngang hàng ở xã-hội, rồi từ đó trở-thành những người có lai-lịch khác với thời-đại, trong đó nam-nhân luôn làm chủ mọi sự. Hôn-nhân, nay trở thành quan-hệ tương-tác rất đồng-đều. Điều này tạo ảnh-hình mới vốn tạo ảnh-hưởng lên mọi khía-cạnh cuộc sống thông-thường của ta.

Đối-tác khác-biệt về giới-tính cùng đến với nhau để nhận ra nhu-cầu không chỉ một người nhưng của cả hai bên. Phụ-nữ, nay được coi như người có nhu-cầu, ước-vọng và xu-thế vui-hưởng tình-dục ít/nhiều hệt như nam-giới. Điều này không phải ai cũng thấy được ở thế-kỷ trước, chí ít là khi các cô dâu nay không phải người nào cũng được mẫu-thân giáo-dục như bổn-phận cần-thiết về dục-tính.

Khi xưa, người ta thường quay về với lời khuyên cổ-điển của Nữ-hoàng Victoria từng nhấn-nhủ mọi người trước ngày cưới, rằng: “*Hãy nhắm mắt lại và nghĩ về nước Anh là xong*”.

Trong chuyện ăn nằm xác thịt, đôi bên đều sướng vui, tức: niềm khoái-cảm mang nặng sắc-thái hổ-tương, nay được ca-tụng nhiều trong các sách viết về dục-tình như mục-đích chung-cuộc, còn gọi là “*chẳng đặng đừng*”, tức: nếu không đạt thì đừng làm. Từ đó, mọi người mới kỳ-vọng sẽ san mẫu-mục hành-xử đồng-đều xua-đẩy thứ trật-tự nam-giới ra khỏi mọi kỳ-vọng mà lâu nay mọi người vẫn chú-tâm.

Về hôn-nhân, ngày nay sẽ không có ai hiểu đó là tương-quan quyền-lực giữa hai nhân-vật không cân bằng. Càng ngày, ta càng thấy đây là thứ quan-hệ dục-tình giữa hai con người muốn tạo sự sống mới, với nhau. Và, cả hai người đều muốn sẽ san niềm vui xác thịt hoặc lao-động có phối-hợp, cốt ý tạo cuộc sống tốt đẹp về kinh-tế cho gia đình, để rồi trở-thành cặp phối-ngẫu biết lên kế hoạch định-đoạt tháng ngày chung sống, khi về già.

Quan-hệ này, có thể cũng sẽ tạo xung-đột nghiêm-trọng, vì một bên không thể chám-dứt tranh-chấp bằng cách đơn-phương áp-đặt mọi chuyện lên phía bên kia. Với hôn-nhân, lời thề hứa sống trung-thành và chăm-lo cuộc sống thoải-mái cho người phối-ngẫu phía bên kia, sẽ buộc cả hai đi vào hiện-thực hoặc chẳng bắt buộc ai làm công việc ấy.

Giả như một bên đối-tác lại muốn có quan-hệ tình-dục ngoài hôn-nhân, thì cũng khó tránh khỏi lời bàn ra tán vào của cộng-đồng và xã-hội, là những người vẫn mong cho hai bên thể-hiện sinh-hoạt đồng dạng, theo cách hay nhất. Cứ nhìn cảnh-tượng nữ ‘thủ trường’ nọ xách cặp-táp ‘rong ruổi đường trường’ lo doanh-thương là sự việc mà ngày nay ai cũng thấy xảy ra ê hề tại phi-trường đây đó. Ngay đến quán trọ, là nơi khi xưa nam-giới thích sắp đặt hẹn-hò tư riêng, thì nay phụ nữ lại coi đó là chốn phục-vụ chuyên-nghiệp.

Mãnh-lực kinh-tế của nữ-giới nay cứ thế dâng trào, nên hết kỹ-nghệ này rồi đến công-ty khác vẫn tạo sản-phẩm và mẫu-mã quảng-cáo nào khả dĩ đáp-ứng năng-lực của nữ-giới đã xuất đầu lộ diện ngày một nhiều. Các quyết-định quan-trọng về kinh-tế gia-đình, đạo trước trực-thuộc lãnh-vực của nam-giới, nay lại do cả hai bên tùy nghi định-đoạt.

Cả đến thói quen tệ-hại như hút xách, nay cũng dành cho hai bên ra quyết định đồng đều. Rốt cuộc, nay chẳng còn thấy đáng nam nhi khí-khái nào đó cứ rút vào thư-viện hút điếu xì-gà đang hút dở rồi mới tính chuyện kinh-doanh, sau bữa ăn. Cũng thế, ngày nay nữ-giới vẫn có quyền đặt chân đến quán-xá cà-phê định-vị tại khu làm đẹp để thưởng thức món ‘cốc-tai’ và/hoặc hút thuốc ở quanh đó, theo ý muốn mà không một ai lấy làm điều.

Lại nữa, cơ-hội để người phối ngẫu phía bên này ly dị người bên kia, nay được cả hai bên san sẻ đồng đều. Ở đây nữa, tôi không có ý đề-cao chuyện ly-dị, nhưng dù sao ta cũng phải công-nhận rằng: những chuyện tương-tự phải để cho hai bên có cơ-hội đồng đều mà quyết-định, hầu đi vào hiện-thực.

Khi xưa, có thời thiên-hạ coi đặc-quyền ấy là ‘của trời cho’ tặng riêng đám đàn ông thôi, nhưng nay thì việc này cũng thay đổi đến triệt-để. Nói cho cùng, thì điều này có ý bảo rằng: xã-hội ta đã thành-công trong việc nhân đôi số người có thể thoải mái thực-hiện việc ly-thân, ly-dị. Chính vì lý do đó, mà tỷ-số người ly-dị còn gia tăng hơn nữa.

Tuy nhiên, nhiều lý do khác nhau khiến việc gia tăng số người ly-dị cũng khá thường, là: mối quan-ngại về tài-sản có chủ-nhân-ông là phái nam đứng sở-hữu, thì các kỳ thị chống ly-dị nay suy giảm cũng rất nhiều.

Vào độ trước, khi ứng viên *Adlai Stevenson, Jr.* đứng ra tranh cử tổng-thống Hoa Kỳ vào các năm 1952 và 1956, nhiều vấn đề được đặt ra do sự kiện là: ông là người có lần từng ly dị. Cũng may, là ông không tính chuyện tái giá, nên tránh được sự việc Giáo-hội thời đó phải có quyết định, giả như các vị này lại vẫn tính chuyện lập gia đình thêm lần nữa.

Dù sao thì đất nước này, hôm nay, vẫn không mấy chắc chắn về việc ta có nên cho phép nam-nhân từng ly-dị vợ lại cứ ra tranh cử và bước vào Nhà Trắng nếu đắc cử. May thay, hai mươi năm sau, mọi người lại đã đồng ý cho phép ông *Gerald Ford* được làm đám cưới với người đàn bà đã từng ly-dị chồng cũ của bà một lần trước đó.

Thế nên, sau nhiệm kỳ của ông *Gerald Ford*, nước Mỹ đã hai lần bầu ứng-cử-viên tổng thống từng ly dị vợ và tái giá thêm lần nữa là ông *Ronald Reagan*, vị tổng thống nổi cộm và cũng khá ồn ào

làm tổng thống nước Hoa Kỳ. Tình-trạng gia đình của ông ta khi ấy, không còn bị cử-tri người Mỹ đặt thành vấn đề nữa. Bởi, ngay đến Nữ Hoàng Anh lẫn Đức Giáo Hoàng thời ấy thấy đều đón tiếp ông cùng người vợ mới cưới, theo nghi-thức long-trọng của hoàng gia. Đây, là điều mà ứng-viên *Wallis Simpson* cùng *Vua Henry Đệ Bát* khi xưa có muốn làm cũng không được.

Ngày nay, những ai từng ly-dị vợ/chồng vẫn có thể lập gia đình thêm lần nữa và vẫn được phép cử-hành hôn-lễ lần thứ hai theo nghi-thức phụng vụ Anh Giáo, Thệ Phản và cả Công giáo, tức các đạo-giáo lâu rày chủ trương một vợ một chồng, mà thôi. Xem thế thì, vị-thế công-khai của Giáo-hội Đạo Chúa, dù thay đổi, vẫn dị-ứng với vấn-đề ly-dị và sự việc một trong hai người được phép tái giá như khi trước.

Thực-tế cho thấy, việc thay-đổi ngôn-từ được thể-hiện một cách rất ư thận trọng, chẳng hạn như từ-vựng "ly dị" trở-thành 'bãi-bỏ'; và con người hôm nay hằng say hướng về phía trước bằng vào tiến-trình cần-cù, đất giá và chừng như bất cứ ai, nếu muốn, đều có thể lập gia-đình thêm lần nữa. Và đặc biệt hơn cả, là: sự việc này, Giáo hội ta vẫn sẵn-sàng ban phép lành cho cả hai họ, cũng dễ thôi.

Thêm một điều nữa là: tìm hiểu lịch-sử về sự việc bảo rằng: sao Giáo-hội gồm toàn nam-nhân lại có thể định-đoạt hết mọi chuyện cả đến sự việc ly-dị? Ly-dị, khi xưa chỉ là thứ thất-bại, không đáng ta quan-tâm hoặc có khi lại thành tội, nay được đưa vào luật-pháp chính-quy của Giáo-hội nữa.

Giáo hội ta, khi ấy, thấy không cần đề ra tiêu-chuẩn để xem xét các án mạng, hoặc các vụ đánh cướp ngân-hàng, hoặc hành-động mơn trớn trẻ nhỏ, đốt phá cửa nhà của dân chúng, vv.... Chỉ mỗi người từng ly-dị rồi lại tái-giá, mới bị trừng-phạt bằng vạ tuyệt thông, thế là xong. Ly-dị, lâu nay đe-dọa cấu-trúc sự sống và quyền-uy của Giáo hội một cách nghiêm-trọng, lại còn gây ra biết bao là phiền-toái cho mọi người.

Nay thì, chẳng ai để mắt nghị-lực mà dõi theo cơ-chế hoặc cá-nhân người nào để rồi buộc mình phải đôi đầu với những vấn-đề vô bổ, chẳng kéo theo hệ-quả nào hết. Giáo hội từng đối đầu với chuyện ly-thân/ly-dị cũng nhiều-khê không ít, rồi lại ban hành luật-lệ chống lại sự việc ấy, để rồi cuối cùng còn trừng-phạt những ai tham-gia những chuyện tương-tự, kể cả đến chuyện trừ-khử vị nào dám vượt lằn ranh cấm kỵ rồi tiến-hành hôn-nhân lần thứ hai. Nay thì, Giáo hội ở đây đó chỉ buộc người ly-dị biết giữ mình cho tinh-khiết thôi.

Ngày hôm nay, dù có mối đe dọa chống đối tư-thế của các tôn-giáo có tổ-chức qui củ, thì sự việc ly-dị lại trở-thành không chỉ là việc liên-quan đến luật pháp mà thôi, nhưng lại được coi như chuyện bình thường ở mọi huyện. Hôn-nhân, dễ bị tổn thương hoặc vỡ đổ như thế, nay thật khó tán thành.

Tuy nhiên, đó không là chuyện để ta phải lên án cho ra nhẽ. Ly-dị, nay cũng có giá-trị tích-cực của nó khiến ta cần tách riêng thành chuyện biệt-lập và hỗ-trợ, đồng thời coi đó là tiềm-năng mang tính hủy-hoại. Thành thử, ta cũng nên giảm thiểu số lượng trường hợp xảy ra.

Theo tôi, Giáo hội thời nay cũng nên xem xét hôn-nhân và ly-dị một cách nghiêm-túc. Giáo hội cần nhận-thức và tuyên-bố một cách cởi mở rằng: ly-dị không phải là thứ tội khó có thể tha thứ và không phải lúc nào nó cũng mang tính bi-thảm hết.

Thật ra thì, trong nhiều trường-hợp, ly dị lại là và có thể là sự việc mang tính tích-cực và tốt đẹp nữa. Bởi, sau khi làm hết mọi việc mình có thể làm được hầu thực-hiện lời hứa hỗ-trợ hôn-nhân, Giáo hội cần ủng-hộ người ly-dị khi đôi bên các vị ấy đi đến quyết định rõ ràng. Tư-thế thụ-động hoặc phản-bác việc ly-dị một cách nhỏ nhen, chẳng những không giúp ích được gì, đồng thời cũng chẳng mang tính cảm-thương chút nào hết.

Ngày nay, món quà khả dĩ giúp cho hôn-nhân được thành sự là thái-độ ân-cần tương-trợ, và là khả-năng thực-hiện việc hy-sinh tự nguyện cuộc thương thảo. Việc thương-lượng đòi ta phải biết uyển-chuyển, coi đó như sự đồng đều về uy-lực tạo-dáng hoặc hình thành quyết định chung cuộc.

Ly dị, lại trở-thành thứ gì đó thay thế xung-đột mà ta khó giải quyết được. Và như thế, nó được cả hai phía phối-ngẫu chọn theo cách cân bằng, đồng đều. Thêm nữa, nó luôn mang tính

trung-lập và không xứng-đáng để có được đáp trả tự-động bằng việc lĩnh-nhận án phạt từ Giáo hội. Ly-dị, trở-thành một thứ-tồn-phí mà xã-hội phải thanh-trả khi ta cần bận tâm giải-thoát phụ nữ.

Tôi tin rằng, muốn đảo ngược chỉ số người ly-dị đang có chiều-hướng dâng cao, ta cần bãi-bỏ áp-lực của sự cân bằng/đồng đều đang gia tăng giữa hai phái tính. Trả được giá này cũng khá đắt. Có thể-hiện động-thái như thế, Giáo hội mới nhận ra được sự kiện mà ta đề-cập ở đây. Có thể nói mà không bị cho là ngoa-ngữ, thì hiện giờ phân nửa số hôn-nhân thực-hiện ở giáo-phận tôi chăm sóc, là trường hợp các vị từng ly-dị.

Nay, là thời điểm để ta phát-biểu một cách tích-cực, rằng: người ly-dị không phải lúc nào cũng là quỷ ma hết. Họ không là những người luôn vướng mắc vào vòng tội lỗi bao giờ hết. Và không phải lúc nào ta cũng nên lên án họ hết. Đôi khi, ly-dị lại là con đường dẫn đến cuộc sống mới đầy sung-mãn cho một hoặc cả hai phía từng dính-kết với nhau một cách chính-thức.

Nữ-giới đã khám phá ra rằng: họ không chỉ có mỗi tự-do hủy bỏ thứ hôn-nhân gây tai-hại cho một số chuyện, nhưng không hủy-hoại cuộc sống của mình, thế nên cả hai phía, nam cũng như nữ đều có thể chọn phương-cách không nhất-thiết phải lập gia-đình. Và sau này cũng thế, nữ phụ nào muốn sinh con và dưỡng-dục chúng theo tư-cách người cha hoặc mẹ đơn chiếc cũng đều được.

Hôn-nhân, không là ơn gọi phổ-cập với mọi người. Nữ giới, nay khám phá ra rằng: khi hành nghề, họ có thể phát-huy thứ cảm-xúc mà người đàn ông biết trước là nó sẽ ra như thế. Về các bậc nữ-lưu có khả-năng sống tự-lập về kinh-tế, sẽ thấy là hôn-nhân gây tổn-hại cho nghề-nghiệp của họ, lại qui trách-nhiệm về tài-chánh cho cả hai phía.

Thành thử, giả như họ bị áp-lực từ một xã-hội chuyên o-ép bắt họ phải lập gia-đình, là cốt ý để họ có thể kết bạn mà giao-dịch hoặc vì nhu cầu sinh lý mà thôi. Phải thế không, thưa quý vị?

Cũng hết thế, chức-năng làm mẹ không còn là vấn-đề buộc phái nữ phải đạt cho bằng được về sinh-lý học. Là phụ nữ, các chị có thể chọn không mang thai hoặc không nuôi con dạy cháu, không như mục-đích ban đầu của hôn-nhân buộc các chị phải sống như vậy. Thế nên, quan-niệm mới ở đây, đã lay-chuyển yếu-tố mà người xưa từng lập ra cốt để củng cố thể-chế hôn-nhân nghiêng về phía nam-nhân, thôi.

Thêm nữa, vấn đề hỏi rằng: ta có cần phải cưới hỏi nữa hay không? Câu hỏi này, lại càng trở nên nhức nhối hơn với nam-nhân và nữ-phụ nào từng thấy chua xót/thất-bại do hôn-nhân gây đổ tạo nên. Những người như thế, càng nhận-thức rõ hơn nhiều người khác về mức thương-tổn của việc tiến tới ly-dị. Do đó, những người này càng không muốn trở-thành những kẻ dễ bị thương-tổn với nỗi khổ-đau tương-tự; thế nên, không ai dại gì để mất nhu-cầu có tình bạn, sự thán phục và mối thương cảm, hết.

Giả như phía nam-nhân hoặc nữ-phụ đã ly-dị, lại không có khả năng hoặc không muốn có quyết-định thề nguyện chung sống với nhau, thì bản-chất của tương-quan giữa hai người sẽ ra sao? Phải chăng hôn-nhân chỉ là mối tương-quan trong đó việc thăm kín yêu thích dục-tình có thể được sẻ-san vào bất cứ giai đoạn nào trong cuộc sống chứ?

Vấn đề này sẽ được bàn kỹ lưỡng ở chương 13 sau này. Nay, thiết nghĩ nói thế cũng đủ để bảo rằng: hôn-nhân không là kế hoạch sống trọn đời của nhiều người trưởng-thành còn 'ở vậy', do một số lý do tốt đẹp cũng đã đủ. Yếu tố này, cần được khẳng-định cho rõ hơn.

Những người trưởng thành mà không lập gia-đình nói ở đây, đã và sẽ không bị ràng buộc bởi những phán-xét đạo-đức của thời đã qua vốn đảm-bảo việc người phụ-nữ phải tùy thuộc vào đàn ông/con trai. Những người như thế, không thích-hợp với khuôn-khổ có qui-ước lại cũng chẳng muốn thử như thế.

Phần đông những người trong số đó không là người hỗn-tạp. Bởi, hỗn-tạp là lối sống của một số ít người mà thôi. Tương quan có trách-nhiệm là chuyện thường thấy hơn. Phải chăng việc này coi như tốt đẹp được xã-hội và giáo hội chính-đáng quyết đeo đuổi tiêu-chuẩn luân-lý chứ?

Việc các vị ấy đeo đuổi nghề-nghiệp riêng rẽ nhưng đòi hỏi có được cơ-hội đồng đều lại sẽ tạo thêm căng-thẳng cho hôn-nhân. Khi căng thẳng này khiến cho hôn nhân gãy đổ, thì ai là người bảo rằng: cặp phối-ngẫu nào đang tìm cách ly-dị là sai trái và là hệ-thống hà-khắc của thời đã qua, coi đó là chuyện đúng đắn sao? Họ phải giáp mặt với vấn-đề luân lý/đạo đức nào đây?

Với nhóm người mà hôn-nhân là tài sản thì những người như thế có quyền áp-đặt tiêu-chuẩn nhằm nâng cao đời sống của họ trên những người chọn con lộ nào khác chứ? Có chẳng chỉ một đường-lối sống duy-nhất thích-hợp với luân-lý? Điều gì làm cho họ ra như thế? Do từ nơi đâu xuất-hiện ý-tưởng bảo rằng: sinh-hoạt dục-tình bên trong hôn-nhân, luôn là điều lành thánh, đáng tuân theo?

Hôn-nhân chẳng thể nào khiến sinh-hoạt dục-tình trở-thành lành-thánh, mà chính phẩm-chất của tương-quan giữa hai người mới là thế. Phải chăng việc ăn nằm xác thịt ngoài hôn-nhân luôn là hành-động tội lỗi? Điều gì xảy đến, khi ta áp-dụng chuẩn-mức của Thánh-kinh để xét-đoán cây cối do từ hoa trái của nó?

Lấy ví dụ để thấy được tương-quan giữa hai người có quyết-tâm, nhưng họ lại không thiết-lập hôn-nhân, đó là: tình-yêu, sự vui-thú và an-lành trong khi nổi đấng cay, nhọc nhằn và đờn đau của luân-lý/đạo đức theo truyền-thống được thích-ứng đến độ tìm điều tốt lành để bảo-đảm bằng các cấm kỵ đặc-thù và các khẳng-định được thực-thi bên trong một chuỗi các khẳng-định cùng cấm đoán xứng-hợp với các giá trị ở thời hiện-đại được cả nam lẫn nữ tuân-thủ ư?

Bởi, Giáo hội có ngôn-từ nào dành cho con số khá đông người trong xã-hội, ngoại trừ chỉ duy-nhất có một từ vựng 'lên án' là không xứng-hợp, thôi. Bởi, Giáo hội nói năng theo kiểu phán-xét rập theo luân-lý, lại không nhẹ-nhàng bảo rằng: động-lực tích-cực và tốt đẹp tạo nhiên-liệu cho các thói-tục đang thay đổi, được nắm bắt hoặc thông hiểu, tự nó mang tính vô-luân và chẳng đạo-lý gì hết. Bởi, Giáo hội không nhận ra rằng: các quy-tắc luân-lý rập theo truyền-thống của mình phải ra khỏi nơi đó, và nó vẫn thúc-ép diễn-giải hệ-thống nam-nhân đàn-áp nữ-giới một cách vô trách-nhiệm.

Trong phần đầu cho phẩm-cách và ý-nghĩa đang thay đổi là nơi mà Giáo hội cần vào đó mà ngụ-cư. Giáo-hội sẽ có tiếng nói đầy quyền-lực ở địa-hạt này; tuy nhiên, chỉ khi nào mọi người nhận ra rằng thông-điệp ban đầu mà Giáo-hội bày-tỏ sẽ không là lời kêu gọi nhằm chán/rớt ráo để mọi người quay về với kết-luận đạo-đức của thời đã qua, mà chẳng lý gì đến những người lâu nay từng là và sẽ là nạn-nhân của hệ-luận hết như truyền-thống qui-định.

Riêng tôi, không muốn thừa-nhận yêu-sách cho rằng nền luân-lý lâu nay từng đóng băng suốt vào thời nam-nhân khuynh-loát/khống-chế phụ nữ. Lại nữa, tôi cũng chẳng tiếc nuôi bảo rằng: việc cảm-thông/công-nhận thứ luân-lý đang chết dần chết mòn ấy.

Đúng ra, tôi dám tuyên-bố rằng: nền 'luân-lý mới' đang trỗi-dậy sẽ trưng-diễn cho thấy hoa quả của Thần Khí. Và thành-đạt ấy, được xây-dựng trên nền-tảng của việc nam nữ phụ thuộc lẫn nhau. Nhân-danh những người được hưởng-lợi từ ý-thức đang trỗi bật, tôi hoan nghênh những tháng ngày mới đang xuất đầu lộ-diện và tin rằng: Thiên Chúa Đấng tiếp tục kêu gọi mọi người hãy sống theo khả-năng mới để rồi hướng ra ngoài mà thấy được rằng 'tạo-dựng mới' đã xuất-hiện để rồi công-nhận đó là điều tốt đẹp.

Chú thích:

1. Jean M. Auel, *The Clan of the Cave Bear* (New York; Crown, 1980); *The Valley of the Horses* (New York: Crown 1982); *The Mammoth Hunters* (New York: Crown, 1985).

'ĐÊM ĐÔNG LẠNH LẼO', CHÚA SINH VÌ AI?

Ý Tâm

Thời gian thấm thoắt thoi đưa, mới đó mà đã gần hết tháng 11 rồi. Tính ra chỉ còn non một tháng nữa là đến ngày Thiên Chúa Giáng Sinh xuống trần. Thế là tôi lại có dịp ngồi nghe các bài nhạc tuyển Giáng Sinh đã từng đi qua đời mình. Và sẽ không thể nào thiếu được ca khúc 'Đêm Đông' của người Công giáo đi đạo.

'Đêm Đông'! Một cái tựa rất đối thân thương mà các vị không đồng đạo đã tự đặt ra mỗi khi nhắc đến bài 'Hang Bê Lem' do 2 nhạc sĩ Hải Linh và Minh Châu đồng sáng tác ở giáo xứ Bùi Chu hồi năm 1945. Cứ nghe hai chữ 'Đêm đông' cất lên rộn rã ở đâu đó là biết ngay mùa Giáng Sinh lại về.

Tuy 'đêm đông lạnh lẽo' là thế, nhưng lòng mình vui ơi là vui. Vui như hân hoan ngóng đợi một sự kiện phải chờ đến gần hết năm, mới có được một lần lễ hội. Nhất là được nghe bài ấy với cái máy hát đĩa cũ kỹ chạy bằng kim, vắn lên kêu rộn rột như tiếng chuông nhà thờ đổ kính coong liên hồi.

Nhà tôi còn lưu giữ chiếc đĩa hát 45 vòng 'xưa xưa xưa xưa' đó, với 4 giọng nữ hàng đầu của nền tân nhạc Việt Nam, cùng nhau hát lên bài ca đón mừng sinh nhật Chúa. Cô Hà Thanh được mời hát lĩnh xướng, với sự phụ họa của 3 cô Hoàng Oanh, Mai Hương và Như Thủy. Đĩa hát chỉ vắn vẹn có 4 bài nhạc Giáng Sinh, mang cái tựa rất đời thường: 'Nhạc tuyển mùa Giáng Sinh'. Một mạc, đơn sơ như ngày Chúa sinh ra, trong khó khăn thấp hèn. Đi đến đâu, Mẹ Maria bụng bầu cũng không tìm được chỗ trọ để sinh nở. Ngoài bài 'Đêm đông' ra, còn có 'Chúa thương loài người', 'Đêm huy hoàng', và 'Cao cung lên'. Nhưng đánh động lòng tôi nhất luôn luôn vẫn là 'Đêm đông'.

Ngồi nhớ lại, đĩa hát này rất ư đặc biệt, chắc hẳn nhiều người đến nay vẫn chưa thể nào quên được. Trước tiên là thời điểm mà cái đĩa được thông qua khâu kiểm duyệt và cho phép phát hành, đúng ngày 5 tháng 10 năm 1968. Miền Nam lúc bấy giờ vừa trải qua một cái Tết Mậu Thân kinh hoàng đẫm máu. Tưởng là mất nước tới nơi rồi, nhưng cuối cùng miền Nam còn đứng trụ thêm được bảy năm nữa mới tan hàng 1975.

Cho nên, đĩa hát này đánh dấu một giai đoạn mang ý nghĩa tâm linh rất lớn trong lòng dân chúng miền Nam. Nếu như người Công giáo quan niệm hát tức là cầu nguyện hai lần, thì các tiếng hát đã thể hiện thành công, hát lên những ý nguyện thay cho những người dân đang phải gồng mình sống trong thời chinh chiến.

Không chỉ riêng người Công giáo mà thôi, mà là toàn thể người dân miền Nam không phân biệt tôn giáo, đồng lòng cầu nguyện lên đấng ngôi cao, được chung sống hòa bình trên cùng một mảnh đất quê hương yêu dấu. Nét hòa đồng tôn giáo ấy được thấy rõ nhất trong quá trình thực hiện đĩa hát.

Ông chủ hãng đĩa, nhạc sĩ *Phạm Mạnh Cương*, là một Phật tử thuần thành, đã từng sáng tác ca khúc 'Lạy Phật con đã trở về'. Vậy mà ông đã chịu đứng ra thực hiện một đĩa hát về chủ đề Giáng Sinh với kinh phí khá đắt. Về phía ca sĩ, thì cô Hà Thanh cũng là một Phật tử thuần thành, sau này đã phát nguyện tu tại gia bên Mỹ, theo thiên phái *Làng Mai* của sư ông *Nhất Hạnh*. Cô *Như Thủy* là em nam ca sĩ *Nhật Trường*, thì theo đạo ông bà như đa số người Việt chúng ta. Riêng cô Mai Hương, tuy cũng theo đạo thờ cúng tổ tiên như cô *Như Thủy*, nhưng lại được học ở các trường công giáo từ nhỏ như trường *Thánh Linh*, trường *Nguyễn Bá Tông*, nên đã khá quen thuộc với nhạc thánh ca do các bà *soeur* hết lòng chỉ dạy cho.

Hơn nữa, chính tác giả *Hải Linh* đồng sáng tác ra bài ‘*Đêm đông*’ lại là thầy dạy môn hợp xướng cho *Mai Hương* trong thời gian cô theo học trường *Quốc Gia Âm Nhạc Và Kịch Nghệ* ở Sài Gòn từ năm 1958 trở đi. Khi di tản ra hải ngoại sau biến cố tháng Tư năm 1975, cả gia đình cô đã trở lại đạo Tin Lành, theo giáo phái *Uniting Methodist Church*, là một nhánh lớn của đạo Thiên Chúa giáo. Vào thời điểm thu âm bài ‘*Đêm đông*’, chỉ có *Hoàng Oanh* là ca sĩ Công giáo đạo gốc duy nhất mà thôi. Sự quý hiếm của đĩa hát cũng như tấm lòng của những người nghệ sĩ cố gắng thực hiện nó chính là ở chỗ đó.

Vì không đồng đạo với nhau, nên cách trình bày nhạc Giáng Sinh của 4 cô ca sĩ mang nét độc đáo rất riêng biệt và mới lạ, khác hẳn với lối hát của các ca đoàn mà chúng ta thường nghe trong nhà thờ. Khác lạ, bởi vì đảm nhận phần lĩnh xướng đáng lẽ phải được giao cho giáo dân đạo gốc là *Hoàng Oanh* hát giọng chính. Nhưng kỳ lạ thay, người được mời hát lĩnh xướng, cuối cùng lại là một Phật tử ăn chay trường, nữ danh ca *Hà Thanh*. Ngoài giọng hát vô cùng sắc xảo của *Hà Thanh* ra, có lẽ nhóm thực hiện muốn đánh bật ra được tâm nguyện hòa đồng tôn giáo của toàn thể dân chúng miền Nam luôn yêu chuộng tự do, hòa bình.

Sự xuất hiện của *Hà Thanh* bỗng mang đến tầm rung cảm mới cho bài hát. Cô luyến láy và rung giọng khá nhiều như khi hát nhạc đời, chuyền hơi từ giọng gió qua giọng mũi, rồi đẩy xuống giọng ngực vượt lên giọng óc rất nhuần nhuyễn. Ngay khi bắt vào chữ đầu, cô luyến liền ở chữ ‘*đêm*’ để nối dài qua chữ ‘*đông*’, để câu nhạc trở thành ‘*đêm...êm...êm...êm...đông*’. Trong khi đó, thì các ca viên của ca đoàn không được phép luyến láy khi trình bày thánh ca trong nhà thờ. Sự hát như thế sẽ làm chia trí giáo dân, mất đi vẻ trang nghiêm ở chốn tôn kính thờ phụng Chúa.

Nhạc phẩm ‘*Đêm đông*’ được hai nhạc sĩ *Hải Linh* và *Minh Châu* soạn bè thật công phu, lời cuốn người nghe cứ muốn nghe mãi nghe hoài không biết chán. Các đoạn đơn ca đan xen lẫn nhau với nhóm bè rất đa dạng, khi thì tụ lại đồng ca với nhau, có lúc chọt tẽ ra thành bốn nhánh bè cao thấp, tạo sự ngạc nhiên gây thích thú nơi thính giả. Mặc dù thiếu vắng bè nam để tạo độ rền làm nền cho tổng thể bài hát, nhóm tứ ca nữ hát lên trong vắt, tiếng hát lâng lâng như thiên thần xướng ca trên các tầng trời.

Nếu tách riêng từng giọng ra, bốn giọng nữ đều có chất giọng khác nhau, không ai giống ai. *Hà Thanh* nghiêng hẳn sang hát giọng mũi, tiếng hát rún rẩy như chung trà đặc quánh mật ong sưỡi ấm lúc đêm đông. *Như Thủy* giọng điệu-đà hơi chua vị chanh đường mát rượi. Trong khi giọng *Mai Hương* mảnh và êm hơn, phảng phất mùi cây trái thơm thơ. Và *Hoàng Oanh* thì hát giọng gió, mỏng nhẹ vương tơ vương kết trên mạng nhện, đong đầy lòng sùng kính Chúa. Thế mà họ hợp lại hát bè quyện vào nhau không chê vào đâu được. Quyện, đến nỗi hai tác giả phải viết thêm bè thứ tư không nằm trong tổng phổ, soạn riêng cho bốn cô hát chung với nhau trong lần thu âm này.

Chẳng hạn như ở câu 3 và câu 4: ‘*Trông hăng Bê Lem, ánh sáng tỏa lan tung bùng. Nghe trên không trung, tiếng hát Thiên Thần vang lừng*’. Bản tổng phổ gốc chỉ có 2 bè quãng ba và quãng năm nằm lọt thỏm dưới giọng chính, thường do bè nam hát nền ở dưới. Hai tác giả đã thêm vào bè thứ tư ở quãng ba trên giọng chính, nhờ đó tạo được độ dày và rền cho cả nhóm tứ ca nữ.

Trong nhóm bốn cô, thì phần bè dưới của *Mai Hương* là hát khó nhất. Phải hát vững lắm mới dám một mình đương nổi trọng trách hát bè thấp ở dưới. Bè trầm được soạn cho giọng nữ như *Mai Hương*, có những nốt thấp hát lên nghe ngang ngang, rất khó để bắt vào hát cho đúng nốt, ăn khớp với thanh dấu của tiếng Việt. Khó hát như vậy đó, nhưng không thể nào lược bỏ đi phần bè thấp trong một bài hợp ca được. Vì đó chính là lớp nền móng, đỡ ‘*bè tông cốt sắt*’ góp phần tạo nên độ rền vang cho nguyên cả nhóm bè. Thiếu nó là kể như đi luôn ngôi nhà xây đắp bằng âm nhạc, cuốn trôi theo giòng nước lũ.

Cũng chính vì cô hát một mình một bè như thế mà giọng *Mai Hương* là dễ nhận ra nhất trong nhóm 3 bè phụ họa cho *Hà Thanh* hát lĩnh xướng. Phải nghe *Mai Hương* hát đỡ nền cho cả nhóm trong các đoạn đáp ca, nghe như ‘réo rất tiếng hát’, lập đi lập lại mấy lần cho đến hết điệp khúc mới lắng dịu dần. Hay như ở các câu lời 1 và lời 3, lấy các nốt trầm của bè thấp làm chủ đạo, nghe rõ nhất là ở câu ‘*Thiên Chúa vinh danh chúng nhân an hòa*’ (bản ghi âm lược bỏ, không hát các lời 2, lời 4 và lời 5). Tiếng hát *Mai Hương* nòng cốt chắc nịch. Cô hát thế cho bè nam, không luyến láy lung lay phá bè, nhảy bè. Tựa hồ như con thuyền giữ vững đức tin, vượt sóng ra khơi chẳng sợ gì hiểm nguy khốn khó.

Nếu như *Mai Hương* giữ nhiệm vụ hát bè trầm đục móng đỡ nền cho nhóm bè, thì *Hoàng Oanh* lại nắm vai trò trụ cột, củng cố bè cao, phụ họa cho *Hà Thanh* hát giọng chính trên cùng. Chỉ có mình *Hoàng Oanh* là giáo dân *Công giáo* trong 4 cô góp giọng, hát bài ‘*Đêm Đông*’, nên cô phải cố gắng làm sao cho nhóm bè đừng hát luyến láy quá đà, cường điệu thái quá, làm rối đạo đức tin *Công giáo*. *Hoàng Oanh* nhận thấy *Như Thủy* không quen hát nhạc đạo bao giờ và hát hơi yếu ở một vài đoạn then chốt, bè nữ cao bị chao đảo, lung lay. *Hoàng Oanh* bèn xin được hát chung với *Như Thủy* ở một số đoạn khó hát nhất, giúp *Như Thủy* vượt khỏi những thử thách khi hát thánh ca lần đầu. Hơn nữa, ở ngoài đời hai cô rất thân với nhau, hay hát chung trong ban *Tiếng Hát Đôi Mười* của *Nhật Trường*, một thời gian rất được giới trẻ ái mộ.

Khi đứng hát ‘*Đêm Đông*’ với 4 giọng nữ hàng đầu của làng tân nhạc Việt, *Hoàng Oanh* hát bằng giọng gió, tiếng hát óng mượt như khi hát lễ nhà thờ. Cũng chính vì vậy mà chúng ta rất khó nhận ra giọng *Hoàng Oanh* hát bè với *Như Thủy*. Bình thường cô hát giọng trống nghe rất hào hùng, nổi cộm. Tiếng hát bao trùm lên các bạn ca diễn trên sân khấu tân nhạc.

Thế nhưng, khi vào nhà thờ thì lối hát giọng trống đầy hơi từ ngực lên bị cấm tuyệt. Truyền thống hát ca đoàn nhà thờ của Tây phương tuyệt đối không cho phép hát như thế. Có vô số quy tắc được đặt ra, buộc các ca viên phải hát giọng gió vút cao như lướt mây cuội gió, hít sâu từ bụng dưới lên, rồi phì hơi ra từng đợt nhẹ như khói trời mênh mang. Hát càng cao càng hay, và như thế được cho là đến gần với Thiên Chúa hơn hết. Tiếng hát cất lên là thêm hai lần cầu nguyện, chấp cánh bay cao gửi đến đấng toàn năng, ngự trị trên các tầng trời. Trái lại, người xưa quan niệm rằng, nếu hát giọng thổ hay bằng giọng thật của mình, thì những lời cầu nguyện ấy chỉ lờn vờn trên mặt đất, Đức Chúa Trời làm sao nghe thấu những lời cầu bầu của đoàn chiên con Chúa.

Đã là Trời thì hình tròn, và Đất thì hình vuông, theo như cách hiểu về vũ trụ của con người thời cổ đại. Bên Á Đông cũng đồng một niềm tin tương tự như bên phương Tây vậy. Các cụ ta đã dựa trên nền tảng triết lý vuông tròn ấy để từ đó hình thành nên khái niệm ‘mẹ tròn con vuông’, biến hóa thành sự tích bánh chưng bánh dày. Ông trời như cái vung chụp xuống đất, cho nên nếu cứ đi đi mãi, thì sẽ đến cùng trời cuối đất. Bởi thế, vuông và tròn dần dần đại diện cho trời đất, âm dương. ‘*Có vuông, có tròn*’, có nghĩa là đất trời hòa hợp. Mà đất trời hòa hợp, thì mọi chuyện mới thuận lợi, hanh thông.

Có thể nói Đông Tây đã không hẹn mà gặp nhau trên cùng một quan niệm về Trời tròn Đất vuông như thế. Do vậy mà các nhà thờ được xây cất với mái vòm cao ngất để tượng trưng cho bầu trời, nơi Thiên Chúa ngự trị lên khắp thế gian. Ca đoàn được xếp, đứng hát trên gác lửng ngay cuối nhà thờ vào các dịp lễ trọng, là vị trí đến gần với Thiên Chúa nhất. Tiếng hát vang vọng xuống, như đi mây về gió, như các Thiên Thần hòa ca, loan báo tin mừng đến cho nhân loại. Đó là các ngày lễ lớn. Còn trong các thánh lễ thường nhật thì ca đoàn được phép đứng ở hai gian bên trái hoặc phải nhà thờ, ngay sát cung Thánh.

Những điều trên, tuy có hơi dài dòng thật đấy, nhưng rất cần thiết để giải thích tại sao các giáo dân đi đạo luôn hát giọng gió khi xem lễ ở nhà thờ, điển hình là phái nữ. Cô Hoàng Oanh cũng phải tuân thủ theo các quy tắc bắt đi bắt dịch ấy khi hát nhạc thánh ca hay hát nhạc giảng sinh Công giáo. Cho nên quý vị nào đã từng nghe quen Hoàng Oanh hát nhạc đời bằng giọng trống, giọng thổ hùng dũng rồi, ắt hẳn sẽ khó mà nhận ra được cô hát bè giọng mái, giọng gió trong bài ‘*Đêm Đông*’. Phải tinh ý dữ lắm mới bắt được giọng cô ẩn mình chìm khuất bên cạnh *Như Thủy* xinh tươi như mộng. Nhưng nếu không có *Hoàng Oanh* đi bè kèm cho *Như Thủy* hát thì lại không ra nhạc Giảng sinh nhà thờ.

Vai trò của *Hoàng Oanh* tưởng dễ mà hóa ra lại khó. Dễ là vì có đến 2 giọng nữ hát chung một bè, người này dựa dẫm người kia, nương nhau hát đến cuối bài. Tuy dễ đấy, nhưng rất khó làm cho cân bằng giữa các bè với nhau. Nhất là khi bè thấp chỉ có mình Mai Hương hát, và phần lĩnh xướng cũng chỉ có *Hà Thanh* hát thôi. Tức là, *Hoàng Oanh* phải kèm hơi, hát sao cho thật nhẹ để đừng lấn át 2 bè kia. Đồng thời, cô phải phát âm rõ tiếng để phụ với *Như Thủy* trong phần bè của mình. Thường là người có đôi tai nhạy bén lắm mới được giao cho vai trò then chốt như *Hoàng Oanh*. Cho nên mới nói rất khó nhận ra được giọng của cô trong suốt bài ‘*Đêm Đông*’ là vì thế.

Người nghe phải đợi đến 2 câu chót của lời 1 và lời 3 thì giọng *Hoàng Oanh* bắt đầu chịu xuất đầu lộ diện, hiện rõ lên mồn một ở các chữ cuối câu ‘*Thiên Thần xướng ca*’, ‘*chúng nhân an hòa*’, ‘*mục đồng xúm quanh*’, ‘*mến yêu chân thành*’. Có thêm giọng của cô nổi lên bên cạnh *Như Thủy*, nghe rõ là nhạc nhà thờ rất ngoạn đạo. Cũng như *Mai Hương*, cô hát chân phương như đang khẩn nguyện lúc nửa đêm, không luyến láy lung tung như khi hát nhạc đời. Một mình *Hà Thanh* ngân nga luyến láy là quá dư đủ rồi. Thêm nữa, sẽ thành quá tải.

Cô *Hà Thanh* là người Huế, nên có đôi lúc phát âm không đúng. May là bè nữ phụ họa nhanh trí, đã kịp thời chỉnh sửa theo lối phát âm giọng Huế của cô. Điển hình là chữ ‘*Thiên*’ trong 2 câu ‘*Tiếng hát Thiên Thần vang lừng*’, ‘*Đây Chúa Thiên Tòa Giảng Sinh vì ta*’ phần điệp khúc, và câu ‘*Thiên Thần xướng ca*’ lời 1. Nhưng, nhờ cô phát âm thành ‘*Thiên*’ như thế mà lời ca mang một nghĩa mới khác hẳn. ‘*Thiên*’ là công trình thiêng thánh thay vì tòa cao trên trời. ‘*Thiên thần*’ là vị thần thiêng liêng chứ không phải ông thánh trên trời. Có lẽ người Công giáo ở Huế kiêng húy chữ ‘*Thiên*’, là danh từ dùng riêng cho các Vua Chúa hay Ông Trời, nên nói trại ra thành ‘*Thiên*’ chăng? Ngẫm cho cùng, ‘*Thiên*’ là chữ Nôm, đi liền với ‘*Chúa*’ cũng là chữ Nôm, nghe thuận tai hơn ‘*Thiên Chúa*’, vốn là đại từ vừa Hán vừa Nôm.

Và biết đâu chừng mấy câu chữ này đã được chính 2 tác giả *Hải Linh* và *Minh Châu* viết lại. Bằng chứng là chữ ‘*Thiên*’ đã được lập đi lập lại trước sau đến 5 lần mà không người ca sĩ nào nhận ra mình hát sai cả. Ở một đoạn khác, cả 3 lần *Hà Thanh* đều hát một chữ khác với bè nữ phụ họa, trong câu ‘*ánh sáng tỏa ra tung bừng*’. Trong khi bè nữ vẫn hát theo đúng bản gốc ‘*ánh sáng tỏa lan tung bừng*’. Trước khi kết phiên khúc, toàn ban đều thay một chữ trong câu rất hệ trọng với người đi đạo, đổi chữ ‘*ta*’ ra thành chữ ‘*ai*’ trong câu ‘*Đây chúa Thiên Tòa Giảng Sinh vì ai*’.

Thay vì Thiên Chúa Giảng Sinh cho riêng cá nhân người đó, thì 2 chữ ‘*vì ai*’ bao hàm khái niệm rộng hơn. Thiên Chúa bây giờ không còn là của riêng ta nữa, mà là của chung tất cả mọi người. Câu hát biến thành một dấu chấm hỏi đáng nhớ, khiến chúng ta phải tự đi tìm câu trả lời cho chính mình. Ý *tại ngôn ngoại*, làm tăng thêm giá trị cho nguyên bài hát. Trong khi câu hát cũ chỉ là lời mặc định, chẳng để lại dư vị gì nơi người nghe. Ngoài chính tác giả ra, có lẽ không ai dám chỉnh sửa một số câu chữ một cách có hệ thống như vậy.

Chính vì những yếu tố nhỏ nhoi đó trong cách phát âm đậm chất trữ tình của người dân Huế như cô *Hà Thanh*, đã biến đổi bài Thánh ca Giảng Sinh trở nên đời thường hơn. Gần gũi hơn, và cũng dễ

mến, cảm thông hơn với đại đa số tầng lớp dân chúng miền Nam thời đó. Bài hát không quá cao sang hay chuyên biệt tôn giáo quá, nên hầu như ai cũng thích nghe và hát nó cả. Giọng *Hà Thanh* khởi lên dịu ngọt như một bài hát ru sười ảm tình người mùa đông giá. Bè nữ 3 giọng phụ họa thêm vào, như đàn mục đồng tíu tít xúm quanh chúc mừng *Đấng Hải Nhi* giáng thế. Từng tiếng hát thay nhau nói lời tạ ơn bên máng cỏ thấp hèn. Lúc thì *Như Thủy* cất cao giọng sáng ngời, *'tỏa lan tung bùng'*. Khi thì *Mai Hương* trầm lắng, *'tiếng hát thiên thần vang lừng'*, kết nối bằng *Hoàng Oanh* hát giọng gió ngân vang, réo rắt tiếng ca *'mến yêu chân thành'*.

Trải biết bao nhiêu mùa giá lạnh đã trôi qua, kể từ khi bản ghi âm *'Đêm Đông'* phát hành ra mắt công chúng, đến nay đã trên nửa thế kỷ. Nhưng những tấm lòng của các nghệ sĩ thực hiện đĩa nhạc vẫn thắm tươi màu lễ hội vui nhất trong năm. Họ hát lên những tiếng hát thiết tha nhất, đồng lòng cầu cho thế giới an bình. Và cũng không quên cầu cho nước Việt Nam mình ngày một thêm tươi sáng. Nhất là năm nay thế giới biến đổi quá chừng, *'cô Vy'* (*Covid-19*) rủ nhau ra phố càn quét khắp mọi nơi. *'Cô Vy'* đâu rồi, hãy mau mau rút khỏi thế gian này đi nhé! Hô...biển! Mong là sẽ được như những lời nguyện khẩn ấy!

Ý Tâm, 20-11-2020

Bi kịch của một trí thức

Luật sư Nguyễn Mạnh Tường (1909-1997), người Việt Nam duy nhất đạt hai bằng Tiến sĩ Luật khoa và Tiến sĩ Văn chương năm 23 tuổi ở Đại học Montpellier (Pháp).

Ông tham gia kháng chiến chống Pháp đến khi hòa bình lập lại (1954) thì trở về Hà Nội và làm giáo sư Trường đại học Văn khoa (nay là Đại học Quốc gia Hà Nội).

Ngày 30-10-1956 tại một phiên họp của Mặt trận Tổ quốc ở Hà Nội, LS Nguyễn Mạnh Tường, với tư cách thành viên của Mặt trận Tổ quốc, đã đọc một bài diễn văn phân tích sâu sắc những sai lầm trong cải cách ruộng đất và đề ra phương hướng để tránh mắc lại sai lầm. Vì phát biểu này, LS Nguyễn Mạnh Tường đã bị tước hết mọi chức vụ và danh vị nghề nghiệp và phải sống khổ hem thiếu thốn như một "kẻ bị khai trừ" (tên cuốn sách tự thuật của ông xuất bản năm 1992 tại Pháp). Ông mất năm 1997 tại Hà Nội, hưởng thọ 87 tuổi

"Lâu nay, tôi cứ đinh ninh là LS Nguyễn Mạnh Tường đã mất. Sau vụ Nhân văn Giai phẩm, tên tuổi của ông bật đi. Có tin đồn là ông đã chết đâu đó ở một góc khuất tối tăm nào ở Hà Nội. Thế rồi, bỗng hem tôi lại nghe là ông vẫn còn sống, hơn nữa, đang có mặt tại Paris: ông được phép sang Pháp ba tháng để thăm viếng một số bạn bè cũ của ông.

Được sự giới thiệu của một người quen, tôi và một anh bạn đã được LS Nguyễn Mạnh Tường tiếp trọn cả buổi chiều ngày thứ hai 27-11-1989.

LS Nguyễn Mạnh Tường năm nay đúng 80 tuổi. Dáng người tầm thước, lưng hơi gù, da dẻ nhăn nheo, nhưng sức khỏe khá tốt, đi đứng vững hem, đặc biệt trí tuệ còn rất minh mẫn. Suốt hơn ba tiếng đồng hồ chuyện trò, chúng tôi không hề bắt gặp ở ông một dấu hiệu nào của sự đấng trí vốn thường xuất hiện ở người cao niên. Ông nói năng lưu loát, đôi khi hem hần. Ông nhớ chính xác chi tiết những sự kiện cũ hoặc mới. Cách lý luận rành mạch.

Điều chúng tôi thích nhất ở ông là sự thành thật. Ở vào hoàn cảnh của ông, thành thật cũng có nghĩa là can đảm. Hơn ba chục năm bị đày đọa, luôn luôn sống trong tâm trạng phập phồng chờ đón những thảm kịch thảm khốc nhất, ông không khiếp sợ đến nỗi phải tự biến mình thành một con vẹt chỉ biết lải nhải lặp lại những câu nói đã thành khẩu hiệu của chế độ hoặc co rút lại trong câm lặng,

từ khước đối thoại để tránh khỏi nguy cơ bị hớ hênh, bị chụp mũ.

LS Nguyễn Mạnh Tường là một người đầu tiên tôi gặp, từ chế độ cộng sản, vẫn giữ được cái sĩ khí của một người trí thức, “uy vũ bất năng khuất”. Ông không hề từ chối bất cứ câu hỏi nào của chúng tôi dù những câu hỏi đó bắt ông phải công khai bày tỏ thái độ với cái chế độ đã, đang và có lẽ sẽ tiếp tục đập vùi ông.

Chúng tôi xin phép ghi âm buổi nói chuyện với một sự thiếu tự tin rõ rệt. Chúng tôi nghĩ là ông sẽ từ chối. Nhưng không. Ông đã vui vẻ chấp nhận. Để bảo đảm sự trung thực, những chi tiết dưới đây, chúng tôi đều dựa vào bản ghi âm này.

Tường cũng nên nhắc lại, trước năm 1945, LS Nguyễn Mạnh Tường là một trí thức xuất sắc nhất của VN với thành tích đến nay tại VN dường như chưa có ai theo kịp: 23 tuổi đậu hai bằng tiến sĩ quốc gia tại Pháp, một bằng về luật và một bằng về văn chương. Về nước, ông hành nghề luật sư và dạy học. Ở cả hai lãnh vực, ông đều thành công và tạo được một uy tín to lớn.

Chúng tôi hỏi LS Nguyễn Mạnh Tường:

– *Luật sư có thể cho biết luật sư đã tham gia phong trào Việt Minh và sau đó, tham gia kháng chiến như thế nào?*

LS Nguyễn Mạnh Tường đáp:

– Thật ra tôi không hề tham gia Mặt trận Việt Minh. Bao giờ tôi cũng là một người yêu nước, ưu tư đến việc giành lại độc lập cho đất nước. Tuy nhiên tôi tự xác định cho mình một vị trí là làm một người trí thức. Mà người trí thức, muốn độc lập, thì không nên tham chính. Do đó tôi đã từng từ chối nhiều lời mời ra làm bộ trưởng của nhiều chính phủ. Người trí thức phải đứng về phía dân chứ không đứng về phía chính quyền. Người trí thức chỉ nên đứng ở lãnh vực thuần lý chính trị (politique themative). Nghiên cứu, thúc đẩy các trào lưu.

Cách mạng tháng Tám làm tôi rất vui mừng. Tôi mong muốn đóng góp vào việc xây dựng đất nước trong hai lãnh vực sở trường của mình: luật học và nghiên cứu văn học.

Năm 1946, một hôm, ông Nguyễn Hữu Đang, người sau này tham gia Nhân văn Giai phẩm và bị cộng sản kết án 15 năm tù, đến văn phòng luật sư của tôi nói là Cụ Hồ mời tôi đến gặp Cụ có việc cần. Nguyễn Hữu Đang chở tôi đến cái chỗ sau này gọi là Phủ Chủ tịch. Ở đó Vũ Đình Huỳnh, Vụ trưởng Vụ Lễ tân, ra tiếp và đưa vào gặp Cụ Hồ. Cụ gọi tôi là Ngài. Cụ nói:

-Như Ngài đã biết, chính phủ vừa ký kết với Pháp một bản tạm ước. Theo bản tạm ước ấy, sắp tới, giữa ta và Pháp sẽ có một hội nghị quan trọng. Xin Ngài giúp soạn giùm cho một bản lập trường của chính phủ (thème gouvernemental) để sử dụng như một cương lĩnh chỉ đạo cuộc hội nghị.

Tôi đáp:

-Công việc này quan trọng quá, xin Cụ nhờ một người nào giỏi và có kinh nghiệm hơn tôi.

Cụ Hồ nói:

-Tôi đã hỏi ý kiến nhiều người và ai cũng bảo là chỉ có Ngài mới có thể làm được thôi.

Cuối cùng tôi nhận lời, về nhà, đóng cửa văn phòng luật sư, vận dụng tất cả kiến thức về luật pháp quốc tế cũng như những điều khoản căn bản của tạm ước để soạn bản lập trường. Đến khi đem trình, được Cụ Hồ chấp thuận và do đó, buộc tôi phải tham dự Hội nghị Đà Lạt.

Chúng tôi hỏi:

-*Luật sư giữ vai trò gì tại Hội nghị này?*

-Tôi là trưởng ban văn hóa và là ủy viên trong ban chính trị.

-*Cuộc hội nghị thành công tốt đẹp?*

-Vâng, về cuộc hội nghị này, đã có nhiều người viết. Chỉ có một điều hèm biết là, kết thúc cuộc hội nghị, hai bên đã tổ chức một bữa tiệc chung. Trong bữa tiệc ấy, tên tùy viên của thủy sư đô đốc Argenlieu đến cạnh tôi, nói là thủy sư đô đốc muốn gặp tôi để nói chuyện. Tôi bảo là tôi không phải trưởng đoàn, do đó không có tư cách gì để gặp gỡ thủy sư đô đốc cả. Tên tùy viên lại bảo đây là sự gặp gỡ thân mật có tính cách cá nhân thôi chứ không phải để bàn bạc điều gì quan trọng cả. Nghe thế, tôi đứng dậy, rời bàn tiệc ra ngoài hành lang gặp Argenlieu. Lúc ấy trong bàn tiệc ai cũng thấy cả. Và cuộc nói chuyện cũng rất vu vơ, thăm hỏi xã giao về công ăn việc làm thôi. Thế nhưng,

về Hà Nội bỗng hèm lại có tin đồn là Nguyễn Mạnh Tường thông đồng với giặc, là Nguyễn Mạnh Tường bán nước...

Chúng tôi hỏi:

-Luật sư có biết tin đồn đó xuất phát từ đâu không?

LS Nguyễn Mạnh Tường cười:

-Thì cũng phải có người phát thì nó mới động chứ. Tin đồn đó là cả một chiến dịch được tổ chức hẳn hoi. Anh Hoàng Xuân Hãn lúc ấy phải đến gặp hình như là Võ Nguyên Giáp thì phải, bảo Tường làm cái gì mà người ta lại tung tin đồn là nó bán nước, theo giặc ghê quá vậy. Nguy hèm à lắm. Mà nguy thật, chỉ cần một phát hèm, một mũi dao là xong đời chứ gì. Từ khi anh Hãn can thiệp, tin đồn ấy mới lắng xuống rồi biến mất.

Chúng tôi hỏi:

-Có thể coi đó là nguyên nhân khiến cho về sau cộng sản bạc đãi luật sư chăng?

-Không phải. Cộng sản, những người tham dự hội nghị cùng với tôi, họ biết thực hư, đầu đuôi thế nào hết chứ. Đâu có phải vì tin đồn ấy mà người ta bạc đãi tôi. Đối với trí thức, nói chung cộng sản hèm thì hèm, nhưng bảo là họ có mến yêu không thì tôi... không dám nói là có.

Chúng tôi hướng câu chuyện vào vấn đề chúng tôi quan tâm nhất và có lẽ nhiều người cũng quan tâm đến nhất:

-Theo các tài liệu được phổ biến tại miền Nam trước đây cũng như ở ngoại quốc, luật sư có tham gia vụ Nhân văn Giai phẩm vào những năm 56, 57?

LS Nguyễn Mạnh Tường đáp nhanh: – Thật ra tôi không hề tham gia nhóm Nhân văn Giai phẩm. Mãi sau này khi người ta kết án nhóm Nhân văn Giai phẩm, tôi mới biết đó là một tổ chức chống đảng với những tên tuổi như Trần Dần, Trần Duy, Hoàng Cầm... gì đó.

-Thế nhưng luật sư cũng có mấy bài viết cùng chung lập trường với họ.

-Vâng, tôi có cả thấy hai bài viết mà ông Hoàng Văn Chí có đăng lại trong quyển “Trăm hoa đua nở trên đất Bắc” ấy mà. Nguyên là, một hôm ông Nguyễn Hữu Đang và ông Trần Thiếu Bảo, chủ nhà xuất bản Minh Đức, đến gặp tôi để xin bài. Cả hai đều quen biết với tôi từ trước. Chuyện gặp ông Nguyễn Hữu Đang tôi có kể qua lúc nãy. Còn ông Trần Thiếu Bảo thì tôi gặp ở Thái Bình thời kháng chiến chống Pháp. Lúc ấy, ông Bảo cũng làm nhà xuất bản. Tôi có đưa cho ông ấy xuất bản quyển “Một cuộc hành trình”, quyển sách đầu tiên của tôi bằng tiếng Việt.

-Đó là một quyển hồi ký?

-Không. À mà cũng có thể gọi là nửa hồi ký, nửa nghị luận. Đại khái tôi kể chuyện cuộc đời mình, từ một người trí thức tham gia kháng chiến chống Pháp giành độc lập cho đất nước như thế nào...

-Xin trở lại vụ Nhân văn Giai phẩm...

-Vâng, thì cái bài đăng trên Giai phẩm mùa thu năm 1956 là thế. Còn bài viết về vụ cải cách ruộng đất thì là thế này: đó là bài tôi nói chuyện trong một cuộc hội nghị của Mặt trận Tổ quốc. Các anh cũng biết là vụ cải cách ruộng đất đã thất bại nặng nề đến nỗi ông Trường Chinh đã phải mất chức Tổng bí thư đảng cơ mà. Lúc đó có phong trào sửa sai ghê lắm. Trong cái cuộc vận động sửa sai như thế, ông Tố Hữu rồi ông Trường Chinh rồi ông Xuân Thủy đã lần lượt gọi tôi đến nhà riêng của các ông ấy để yêu cầu tôi, trong hội nghị của Mặt trận Tổ quốc, trình bày cho mọi người biết thế nào là dân chủ.

Các ông ấy nói là sau sai lầm của cải cách ruộng đất, chúng ta phải cố làm sao cho chế độ xã hội chủ nghĩa trở thành một chế độ thực sự dân chủ. Nghe thế, tôi mừng quá nên nhận lời ngay. Thế rồi hội nghị được tổ chức. Tôi thuyết trình trọn cả ngày, ba giờ buổi hèm, ba giờ buổi chiều. Thuyết trình xong, người ta khen ghê lắm. Ông Trường Chinh, Ông Xuân Thủy, ông Dương Bạch Mai sau đó lại yêu cầu tôi viết lại bài nói chuyện đó để đưa mấy ông xem.

-Thế, trong hội nghị, luật sư chỉ nói miệng chứ không đọc bài viết đã soạn sẵn?

-Không, thì giờ đâu. Chính mấy ông ấy bảo thì tôi mới viết lại chứ. Tôi đánh máy bài viết thành hai bản, nộp hết cho mấy ông. Thế mà, không biết tại sao, bài viết đó lại lọt ra nước ngoài, bọn báo chí ngoại quốc làm ầm ĩ lên thế mới chết chứ.

-Luật sư có nhớ chắc là không hề đưa bài viết ấy cho ai khác?

-Chắc chắn. Cả hai bản đánh máy tôi đều nộp hết cho ông Trường Chinh và ông Xuân Thủy. Tôi chỉ giữ lại bản nháp viết tay thôi.

-Thế thì luật sư có thể đoán được là tại sao, từ nguồn nào, bài viết của luật sư lại lọt ra nước ngoài được không?

LS Nguyễn Mạnh Tường cười lắc đầu:

-Chịu thôi. Ở đời vẫn có những bí mật như thế đó, các anh ạ.

Chúng tôi lại hỏi:

- Thế sau khi bài viết bị tiết lộ ra ngoài thì cộng sản đối xử với luật sư như thế nào?

-Thì còn đối xử như thế nào nữa. Kiểm điểm rồi đuổi việc thôi.

-Luật sư có thể cho biết nội dung của những cuộc kiểm điểm ấy được không ạ?

-Được chứ. Thì ở đâu cũng giống nhau thôi. Cứ khẳng khẳng buộc tội tôi chống đảng.

-Khi buộc tội như vậy người ta dựa vào nội dung bài thuyết trình của luật sư hay dựa vào sự kiện bài tham luận được chuyển ra nước ngoài?

-Dựa vào nội dung bài thuyết trình mới chết chứ. Còn chuyện tại sao bài ấy lọt ra nước ngoài thì tôi có biết đâu. Và cũng không ai ghép tội tôi được: bằng chứng đâu?

-Nhưng nội dung bài thuyết trình, như luật sư cho biết là được soạn theo yêu cầu của ông Trường Chinh, Xuân Thủy, Tố Hữu mà...

-Thì đấy...

-Tại sao luật sư không nói cho họ biết điều đó?

-Có. Tôi có nói chứ. Nhưng ai nghe? Người ta bảo cán bộ yêu cầu tôi phát biểu về nội dung khái niệm dân chủ chứ đâu có yêu cầu tôi chống lại đảng?

-Thế luật sư có chống lại đảng không?

-Ít ra, trong cuộc thuyết trình tại hội nghị của Mặt trận Tổ quốc cũng như trong bài viết lại mà tôi nộp cho ông Trường Chinh, ông Xuân Thủy... thì tuyệt đối không có một câu, một chữ nào chống đảng cả. Tôi chỉ phê phán những sai lầm trong cải cách ruộng đất thôi. Mà những sai lầm ấy thì quá hiển nhiên, ngay cả đảng cũng nhìn nhận mà, chứ đâu phải mình tôi.

-Luật sư có đi tham gia cải cách ruộng đất?

-Có. Hồi ấy tất cả mọi cán bộ đều phải về các địa phương để tham gia cải cách ruộng đất cả. Tôi cũng phải đi.

-Luật sư về địa phương nào?

-Phủ Nho Quan.

-Công việc của các cán bộ cụ thể là làm gì?

-Đề phụ với nhân dân tổ chức các cuộc cải cách ruộng đất thôi.

Trầm ngâm một lát, LS Nguyễn Mạnh Tường kể tiếp:

-Chính trong những đợt đi xuống địa phương ấy tôi mới thấy rõ, thấy hết sự tàn bạo của nó.

Lại im lặng. Chúng tôi cũng im lặng chờ đợi. Giọng của LS Nguyễn Mạnh Tường trầm trầm, buồn buồn:

-Đầu tiên, về Phủ Nho Quan, chúng tôi được học tập là theo lệnh từ trên, tại địa phương này có cả thảy 80% dân chúng thuộc thành phần địa chủ. Tôi điếng cả người. Phần nộ thấy ngay cách làm việc như vậy là rất trái khoa học. Khoa học nào cũng phải sử dụng phương pháp quy nạp, phải căn cứ trên quá trình điều tra thực tế cẩn thận, từ thực tế mà đúc kết thành nhận định. Đảng này thì mấy ông từ Trung ương cứ tưởng tượng ra các chỉ tiêu rồi ra lệnh xuống bắt các địa phương phải thực hiện. Cán bộ địa phương muốn hoàn thành công tác thì phải kích thôi. Có nhiều gia đình nghèo xơ nghèo xác, ở trong một căn nhà hẹp có hai gian, tài sản đâu chỉ được một hai mẫu ruộng, thế mà cũng bị khép vào thành phần địa chủ. Để cho đủ số lượng ấy mà! Tội lắm. Oan ức nhiều không sao kể hết được.

-Luật sư có tham gia vào cuộc xử án nào không?

-Không. Người ta đâu có cần luật sư. Mình đi cốt là để rèn luyện quan điểm, rèn luyện lập trường thôi chứ đâu phải để xử án hay để biện hộ cho ai.

-*Thế thì ai làm chánh án, luật sư trong các vụ đầu tố?*

-Chẳng có chánh án, luật sư gì cả. Phiên tòa được tổ chức ở một bãi sân rộng đầu đó trong làng. Mấy anh thuộc thành phần bản cố nông ngồi ngất ngưỡng trên bàn để luận tội, còn mấy người bị gọi là địa chủ thì bị xích cổ, trói chân, trói tay quỳ mọp giữa sân...

-*Có cả chuyện xích cổ ư?*

-Có. Suốt "phiên tòa", hết bản cố nông này lên tiếng chửi thì bản cố nông khác lên chửi tiếp. Xong rồi thì đến lượt hành hình địa chủ, vậy thôi.

-*Luật sư có bao giờ can thiệp vào những vụ đầu tố đã man như vậy không?*

-Có mà muốn chết à? Không. Có chảy nước mắt thì cũng hèm mà giấu đi.

-*Có địa chủ nào được quyền tự biện hộ, tự thanh minh cho mình không?*

-Không. Lúc đó ai cũng hồn kinh phách tán cả rồi, mặt mũi xanh rờn, đứng còn không nổi nữa thì nói gì đến chuyện tự biện hộ. Mà ai cho? Cứ bị khép vào thành phần địa chủ là coi như đã chết.

-*Luật sư có phỏng đoán được số lượng những người bị giết chết trong đợt cải cách ruộng đất ở miền Bắc vào hồi ấy là bao nhiêu không?*

-Không. Chỉ biết được ở cái địa phương mình về thôi.

-*Cụ thể, ở Phủ Nho Quan là bao nhiêu người bị giết chết?*

-Tôi không nắm con số. Nhưng nhiều, nhiều lắm. Hơn nữa, sau các đợt cải cách ruộng đất còn có các đợt chỉnh phong trong hèm ngũ cán bộ cũng làm cho nhiều người bị oan ức lắm.

-*Nội dung các cuộc chỉnh phong là sao?*

-Là trừng phạt những đảng viên, những cán bộ có quan hệ ít nhiều với địa chủ, với phản động. Thậm chí, có nhiều người lúc trẻ là đảng viên Quốc dân đảng, từ năm 45, 46, đã theo kháng chiến rồi vào đảng cộng sản, vậy mà người ta còn truy quá khứ ra để hành tội.

-*Sau mấy chục năm, nhìn lại, luật sư đánh giá thế nào về cải cách ruộng đất?*

-Dĩ nhiên là nó sai rồi. Không những sai, nó còn ác, cực ác nữa. Tôi nghĩ nó không có chút gì VN cả. Người VN, trong suốt lịch sử mấy ngàn năm, chưa bao giờ tàn bạo đến như vậy. Nó là dấu ấn của Mao...

-*Dấu ấn trực tiếp hay gián tiếp?*

-Tôi không biết. Ngay thời kháng chiến chống Pháp, tôi có gặp đại sứ Trung Quốc trên các chiến khu. Bận một bộ đồ trắng toát, cưỡi ngựa, trông oai quyền ghê lắm. Ông ấy tên Lã Quý Ba. Người ta nói ông ấy chính là kẻ chỉ huy, vạch kế hoạch cho các phong trào cải cách ruộng đất tại VN.

-*Nhưng VN là một quốc gia độc lập, có chủ quyền kia mà?*

-Thì đây. Ngay cái chuyện bắt chước Liên Xô, bắt chước Trung Quốc đã sai rồi thì những chuyện khác theo đó sai theo...

Chúng tôi trở lại chuyện Nhân văn Giai phẩm:

-*Xin luật sư kể tiếp về những hình phạt đối với luật sư?*

-Kiểm điểm rồi đuổi việc. Tôi có kể khi nãy.

-*Cụ thể, trước đó, luật sư làm gì?*

-Tôi làm giám đốc Đại học Luật, phó giám đốc Đại học Sư phạm, chủ nhiệm Câu lạc bộ Trí thức và nằm trong ban chấp hành của 10 tổ chức quần chúng ở miền Bắc.

-*Đó là những tổ chức gì?*

-Ủy ban Hòa bình thế giới, Hội hữu nghị Việt Xô, Hội hữu nghị Việt Pháp, Hội Luật gia VN...

-*Luật sư có bị bắt, có bị giam cầm gì không?*

-Không. Chỉ bị đuổi ra khỏi tất cả những nơi đang làm việc. Và độc ác nhất là bị cô lập hoàn toàn. Các anh cứ tưởng tượng suốt mấy chục năm trời, không ai dám đến gặp tôi cả. Họ sợ bị liên lụy đến bản thân, đến gia đình của họ. Có khi, đi ngoài đường, nhìn thấy tôi từ xa, là bạn bè, học trò cũ của tôi phải tránh đi chỗ khác. Tôi cũng không trách gì họ. Vì sự an toàn của họ, họ phải làm thế thôi. Nhưng đau xót lắm.

-*Trong thời gian suốt mấy chục năm trời như vậy, luật sư làm gì để sống?*

-Không làm gì cả. Xin việc gì người ta cũng không nhận. Thoạt đầu, cứ bán dần đồ đạc trong nhà mà ăn tiêu. Bán bàn ghế, giường tủ, rồi bán quần áo, giày dép... cuối cùng phải bán đến cả sách vở

tôi dành dụm thu thập sách trong hai mươi năm. Bán theo giá bán giấy ký thời. Rẻ mạt. Nhưng cần sống thì phải bán. Cứ mỗi lần bán sách là mỗi lần tôi có cảm tưởng như có ai lấy dao găm đâm vào tim của mình. Rồi tất cả đồ đạc cạn dần, cạn dần. Tôi lại sống bằng sự bố thí của hẻm à, bạn bè. Lâu lâu người này cho cái đồng hồ, người khác cho một ít tiền.

-Những người giúp luật sư thuộc thành phần nào?

-Một số là học trò cũ của tôi; một số là những bạn bè của tôi lúc tôi còn ở Pháp và một số khác nữa là những người hoàn toàn xa lạ vì nghe tiếng tôi, thương cho hoàn cảnh của tôi, từ Pháp thỉnh thoảng cho một ít quà.

-Họ là người VN hay người Pháp?

-Người Việt có, người Pháp có.

Thấy cuộc nói chuyện đã khá thân mật, chúng tôi dè dặt nêu ra câu hỏi khác, một câu hỏi thú thật chúng tôi rất tò mò:

-Ba mươi lăm năm sống dưới chế độ cộng sản, luật sư nhận xét gì về cái chế độ này?

LS Nguyễn Mạnh Tường dẫn đo một lát rồi đáp: – Mình nên khách quan. Người cộng sản họ vừa có công lại vừa có tội.

-Luật sư nghĩ gì khi có người gọi chế độ cộng sản tại VN là một nhà nước công an trị (état policier)?

-Đồng ý thôi. Điều đó thì rõ quá.

-Có người còn phân tích hẻm, cái nhà nước công an trị ấy tồn tại bằng hẻm chế: thứ nhất là công an khu vực; thứ hẻm à hộ khẩu; thứ ba là chế độ quản lý lương thực. Luật sư nghĩ sao?

-Đúng. Từ khi bị thất sủng, tôi vô cùng thấm thía những cái chuyện đó. Không đi làm được, sống bằng cách bán đồ đạc hoặc bằng sự bố thí của người khác mà phải mua lương thực tự do giá cao gấp hẻm lần giá chính thức thì khó hẻm ghê lắm. Có lúc tưởng không vượt qua được. Còn chuyện hộ khẩu và công an khu vực thì khỏi phải nói. Những chuyện ấy bây giờ vẫn còn đấy nhé.

-Luật sư qua Pháp đã gần hai tháng nay, luật sư có theo dõi tình hình tại các nước Đông Âu không?

-Có chứ.

-Luật sư nghĩ sao?

-Mừng. Mừng lắm.

-Tình hình VN hiện nay thì sao?

-Khó hẻm lắm.

-Phong trào đổi mới rồi sẽ tới đâu?

-Chưa biết được. Nhưng có điều chắc chắn là sẽ không có gì đổi mới cả nếu chưa có dân chủ, trước hết là chưa tôn trọng luật pháp. Vì luật pháp không anh minh cho nên có kêu gào đầu tư đến mấy cũng không có ai dám liều lĩnh đầu tư cả. Kinh tế vẫn kiệt quệ mãi.

-Tại sao cộng sản lại cho một người như luật sư sang Pháp?

-Tôi nộp đơn xin xuất cảnh đúng vào thời điểm họ tuyên bố đổi mới. Chứ nếu bây giờ, chưa chắc đã đi được.

-Luật sư nộp đơn xin xuất cảnh từ lúc nào?

-Năm ngoái. Hai tháng sau thì cầm được giấy phép của VN. Nhưng nộp vào Tòa đại sứ Pháp thì phải chờ đúng tám tháng.

-Luật sư có ý định ở lại Pháp luôn không?

-Không. Tháng 12 tới tôi sẽ về lại. Trong thần thoại Hy Lạp có chuyện một vị thần chỉ mạnh mẽ khi đứng trên mặt đất, hễ ai nhắc lên khỏi mặt đất thì thành ra yếu ngay. Tôi nghĩ một người trí thức hay một văn nghệ sĩ cũng vậy. Phải ở trong nước, giữa những thử thách mới tìm ra được sức mạnh.

-Có một số hẻm à trí thức yêu nước, muốn về VN để canh tân đất nước, luật sư nghĩ là có nên hay không?

-Không. Cứ ở đây làm việc. Đừng về. Về sẽ bị kẹt.

-Tại sao?

-Tôi có nhiều kinh nghiệm về chuyện này. Thế hệ của tôi, bao nhiêu người tài giỏi, Trần Đại

Nghĩa, Trần Hữu Tước... Về nước họ có làm được gì đâu? Thì cũng có một vài đóng góp đấy, nhưng tôi nghĩ, hoàn toàn không tương xứng với khả năng của họ. Đó là chưa kể đến những người kém may mắn hơn. Như tôi chẳng hạn. Có làm gì được đâu?

-*Lâu nay, luật sư có viết lách gì không?*

-Có. Mấy chục năm qua, tôi hoàn thành được bốn công trình nghiên cứu. Một là “Lý luận giáo dục” (ở châu Âu từ thế kỷ 16 đến thế kỷ 18); hai là “Eschylle và bi kịch cổ đại Hy Lạp”; ba là “Virgile và anh em ca latin”; bốn là dịch vở kịch của Eschylle.

-*Luật sư viết bằng tiếng Việt hay tiếng Pháp?*

-Tất cả đều bằng tiếng Việt. Dụng ý của tôi là để cho người Việt đọc. Tôi mượn những vấn đề trên để cho người Việt đặc biệt là những người lãnh đạo hiểu thế nào là con người, thế nào là dân chủ, tự do, thế nào là quan hệ giữa chính trị và văn nghệ, v.v...

-*Những quyển sách ấy có được in ra chưa?*

-Chưa. Tôi có gửi lên Ban khoa giáo Trung ương. Người ta khen là nghiên cứu công phu. Nhưng đến nay không ai chịu in cả. Người ta bảo là không có giấy. Nhìn đồng hồ thấy đã hơn 6 giờ chiều. Mùa đông trời tối sớm. Chúng tôi cảm ơn LS Nguyễn Mạnh Tường để chấm dứt câu chuyện đã kéo dài hơn ba giờ liền. Và hỏi:

-*Thưa luật sư, chúng tôi ghi âm buổi nói chuyện hôm nay với mục đích giữ làm kỷ niệm. Tuy nhiên không biết luật sư có đồng ý cho phép chúng tôi công bố những điều luật sư phát biểu chẳng?* LS Nguyễn Mạnh Tường cười dễ dãi: – Các anh cứ tự nhiên. Những điều tôi nói toàn là sự thật cả.

-*Sắp về lại VN, luật sư không sợ sao?*

LS Nguyễn Mạnh Tường cười to:

-Các anh nhớ là tôi đã 80 tuổi rồi. Tính theo tuổi ta là 81 đấy.

Chúng tôi ra về, anh em phời phới vui. Vui vì được gặp một người lâu nay mình ngỡ đã chết. Vui hơn nữa, vì thấy Nguyễn Mạnh Tường, cái tên tuổi mình từng kính phục từ thuở bùng nổ vụ Nhân văn Giai phẩm ở miền Bắc, sau bao nhiêu đọa đầy, vùi dập, vẫn giữ nguyên cái sĩ khí của một người trí thức uy vũ bất năng khuất. Ở VN giờ đây, còn được bao nhiêu người như thế nhỉ?

Hòa Khánh

NƯỚC MỸ CỦA AI?

Đúng ra thì tôi không muốn nói, nhưng sau nhiều ngày đọc quá nhiều những chuyên gia tranh luận, chửi bới nhau để phân định “Nước Mỹ vĩ đại hay không vĩ đại”, nước Mỹ có phải là thiên đường không?”, rồi cắt nghĩa đùì, cắt nghĩa vé về cụm từ “America first”, “Make America great again” theo đủ các cung bậc rất ư là “Anamit dân tộc tính”. Có kẻ gào lên “nước Mỹ chưa bao giờ bị chia rẽ như lúc này kể từ sau nội chiến”. Có thật vậy không? Đã có ai trong tất cả những người đó suy nghĩ thấu đáo về nước Mỹ & người Mỹ là ai chưa? Chắc là chưa.

NƯỚC MỸ LÀ NƯỚC MỸ, trong nó vẫn tồn tại những xung đột nội tại & người Mỹ vẫn đấu tranh và cùng nhau vận hành từ thế kỷ này qua thế kỷ khác để giữ cho nước Mỹ tồn tại & phát triển. Nếu những ai đã có học & nghiên cứu sâu về lịch sử Mỹ, họ sẽ không bao giờ phát biểu hay chửi nhau hoặc đặt ra những câu hỏi rất ngớ ngẩn như trên.

Hãy nhìn lại tổng quan lịch sử hình thành & phát triển của nước Mỹ. Trước tiên, nước Mỹ sơ khai không dành cho những kẻ nhát gan và suy nghĩ chung kiểu “bầy đàn” “ai sao tui vậy”.

Nước Mỹ là của những người tiên phong, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Nước Mỹ không dành cho những người mang suy nghĩ về những luân lý sáo rỗng của những đế quốc già, những lục địa cũ, những nền văn minh đã chết, mà dành cho những người dám chống lại những điều đó để tạo ra sự khác biệt. Nếu Thomas Jefferson, một quý tộc thuộc hoàng gia Anh, tổng thống thứ 3 của Mỹ, đã không cãi lại cha mình với câu nói bất hủ “Vua nước Anh là vua của cha, chứ

không phải vua của con”, nếu George Washington không từ bỏ mọi quyền lợi của 1 công chức thuộc địa & cùng nhiều người Mỹ can đảm khác làm một cuộc cách mạng giành độc lập từ đế quốc Anh, thì đã không có nước Mỹ hôm nay.

Cách vận hành nước Mỹ từ ngày đầu cho tới nay luôn là “America first”, tức là quyền lợi của nước Mỹ luôn là số 1, trên tất cả mọi thứ chứ không phải ngày nay mới có. Cũng như chính sách “không có kẻ thù vĩnh viễn, không có bạn bè vĩnh viễn, chỉ có quyền lợi nước Mỹ là vĩnh viễn” luôn nhất quán trong chính phủ Mỹ từ ngày lập quốc cho tới nay. Vì vậy những kẻ chửi rằng tổng thống đương nhiệm nước Mỹ “đang đi ngược lại xu thế chung của thế giới” là những kẻ ngu xuẩn không biết gì về nước Mỹ. Chỉ những ai đi ngược lại với di thư của vị tổng thống lập quốc Washington mới là những kẻ phản quốc.

Hiến Pháp Mỹ là nền tảng cho luật pháp Mỹ ngày nay. Chính vì nước Mỹ luôn có những xung đột nên buộc chính phủ Mỹ phải điều hành & phân xử bằng luật pháp. Không một người Mỹ gốc nào cho nước Mỹ là “vĩ đại” hay “thiên đường”, bởi hơn ai hết họ biết tổ tiên họ đã trải qua những gì. Nếu ai đó hiểu được nguồn gốc của những từ “Big Apple”, “Western Spaghetti”, “Gold rush”, “Yankee” thì chắc họ không bao giờ tranh cãi hay đặt những câu hỏi như trên.

Người ta thi vị hóa, anh em hóa những Cowboy Viễn Tây với hình ảnh những tài tử cinema đẹp trai, đầy chất lãng tử, nhưng cuộc sống thực tế của họ đâu được như vậy. Họ phải chiến đấu để bảo vệ đàn gia súc & đất đai của họ từ những kẻ cướp vũ trang & người Da Đỏ (*tôi chỉ viết đúng những gì lịch sử xảy ra, và tôi không kết luận là người Da Đỏ quá phá, nên, vui hem hiểu đúng những gì tôi viết, đừng suy diễn*); họ phải chịu đựng thời tiết khát nghiệt miền viễn tây hoang dã để tồn tại & làm nên một nước Mỹ như hiện tại. Ngày nay người ta chỉ thấy California giàu có mà chưa bao giờ biết rằng đó đã từng là vùng đất vô chính phủ, của những người đi tìm anh em & của những anh em đang tội phạm vũ trang tới tận anh em... Và còn nhiều thứ khác nữa.

Hầu hết, người ta chỉ biết về cuộc chiến tranh giành độc lập & nội chiến 2 miền Nam-Bắc của Mỹ, mà người ta chưa từng biết Mỹ đã từng có cuộc chiến với người Pháp gọi là Quasi-War 1789-1800 & cuộc chiến với Mexico 1846-1848, và sau Hiệp ước Guadalupe Hidalgo (ngày 2 tháng 2 năm 1848) chấm dứt chiến tranh, California trở thành tiểu bang của Mỹ chính thức vào ngày 9/9/1850. Và anh em loạt cuộc chiến giữa người Da Đỏ bản địa cho tới khi chính Phủ Mỹ ra đạo luật The Indian Reorganization Act (IRA) 18/6/1934 hay còn gọi là Wheeler-Howard Act, và tiếp sau đó là những cuộc đấu tranh phân biệt chủng tộc & bình đẳng giới.

Nước Mỹ đã tự điều chỉnh liên tục để phát triển cho tới ngày nay. Nhiều kẻ hồ hoán là chính phủ hiện tại đang lấy quân đội để đàn áp dân, nhưng, thực tế trong lịch sử, tổng thống Washington đã từng điều quân đội để dập tắt những cuộc nổi loạn của những kẻ muốn khôi phục chế độ thuộc địa. Cũng như, vào thập niên 1960s, chính phủ Mỹ đã từ điều quân đội trấn áp những kẻ nổi loạn ở Ohio, nhưng may là mọi sự bình yên trở lại chưa có đổ máu. Vào lúc đó tại Việt Nam, những đứ đả điếm thú nhân danh “dân chủ” đang quây tanh banh miền nam của VNCH chưa chạy qua Mỹ, nên có đứ đả nào biết nước Mỹ thực tế trong quá khứ mắt tròn méo ra sao.

Nước Mỹ hiện tại đang bị méo mó là do chính hệ thống truyền thông Mỹ đang cố tình định hướng, và mạng xã hội đang kết nối toàn thế giới phản biện lại truyền thông, mọi sự thật trần trụi phơi bày một cách chân thật nhất mà trước đây đó là đặc quyền của truyền thông. Một phần khác, chính tổng thống thứ 45 là vị tổng thống đầu tiên tuyên chiến với truyền thông. Truyền thông đang mất dần uy tín & quyền lực, vì vậy, họ càng ngày càng lún sâu vào sai lầm của họ.

CÒN NƯỚC MỸ VẪN LÀ NƯỚC MỸ NHƯ ĐẶC TÍNH CỦA CHÍNH NÓ TỪ NGÀY LẬP QUỐC. NHƯNG, ĐIỀU DUY NHẤT NƯỚC MỸ KHÁC CÁC QUỐC GIA KHÁC LÀ : NƯỚC MỸ LUÔN DÀNH CƠ HỘI CHO TẤT CẢ NHỮNG AI MANG TRONG MÌNH ƯỚC MƠ, DÙ ĐÓ LÀ NHỮNG ƯỚC MƠ ĐIÊN RỒ NHẤT. VÀ NHỮNG NGƯỜI NỖ LỰC HẾT MÌNH LUÔN ĐƯỢC ĐỀN BÙ XỨNG ĐÁNG. NGƯỜI TA HAY ĐUA LÀ ‘GIẤC MƠ MỸ’.

VÌ VẬY, BẤT KỲ NHỮNG AI ĐANG MƠ MÀNG VỀ NƯỚC MỸ HÃY TỈNH MỘNG ĐI, ĐỪNG BAO GIỜ TỰ HUYỀN HOẶC MÌNH, RỒI KHI GIẤC MƠ MÀU HỒNG VỠ VỤN, QUAY QUA CHỬI BÓI NƯỚC MỸ.

MỘT CÂU CUỐI CÙNG DÀNH CHO TẤT CẢ: NGƯỜI MỸ GỐC KHÔNG BAO GIỜ QUAN TÂM NGƯỜI KHÁC ĐÁNH GIÁ VỀ NƯỚC MỸ RA SAO, VÌ HỌ BẠN LÀM VIỆC, XÂY DỰNG ĐỂ GIỮ GÌN NHỮNG “GIÁ TRỊ MỸ” MÀ CHÍNH TỔ TIÊN HỌ ĐÃ TÔN TẠO.

P/S: TUI NÓI RÕ: NGƯỜI MỸ GỐC LÀ NHỮNG NGƯỜI MỸ ĐƯỢC SANH RA & LỚN LÊN TẠI MỸ BAO GỒM MỌI MÀU DA & HỌ ĐANG BẢO VỆ CHÍNH GIÁ TRỊ BẢN SẮC CỦA DÂN TỘC HỌ. VUI LÒNG ĐỪNG CHỤP MŨ TUI CHỈ NÓI VỀ NGƯỜI DA TRẮNG.

VÀ VUI LÒNG ĐỪNG THÊM, HAY SUY DIỄN ĐỂ BÓP MÉO NHỮNG GÌ TÔI VIẾT ĐỂ NÂNG TẦM QUAN ĐIỂM, VÌ TÔI KHÔNG ĐƯA RA BẤT KỶ QUAN ĐIỂM GÌ Ở ĐÂY, TÔI CHỈ VIẾT ĐÚNG NHỮNG GÌ LỊCH SỬ ĐÃ DIỄN RA.

Uyên Lê

Trái xoài nhân ái

Ngàn Mây

Khi tôi viết lên câu chuyện này, một câu chuyện có thật một trăm phần trăm, thì có nhẽ nhân vật chính mà tôi nêu lên, nếu còn sống thì tuổi đời cũng phải trên 75 tuổi rồi, bởi câu chuyện có thật này đã xảy ra cách đây chỉ còn năm năm nữa là nửa thế kỷ, nghĩa là cách đây đã lâu lắm rồi, tuy nhiên, mỗi lần nhớ đến chuyện xưa, tôi không thể nào quên được là có người vợ một cán bộ trưởng trại giam đã dấm dúi cho tôi một trái xoài trong lúc tôi đang là một tù nhân. Tôi luôn tri ân tấm lòng nhân ái mà người vợ cán bộ này đã dành cho, tôi đang mang một món nợ ân tình mà chưa trả được. Câu chuyện tóm gọn như sau:

“Sau khi miền Nam bị nhuộm đỏ hoàn toàn, lúc đó vào năm 1976, tôi đang bị học tập cải tạo, nói đúng ra là bị tù giam tại trại tù Hàm Tân, có bí danh là Z30C. Trại tù này do công an quản trị nên kỷ luật trại vô cùng khắt khe, tất cả anh em chúng tôi khoảng 60 người bị nhốt trong một nhà giam, mỗi người không gian trong nhà giam chỉ đủ một chiếc chiếu trải ra để nằm, sáng sớm có kèng báo thức tất cả phải thức dậy, xếp hàng để cán bộ trại điểm danh, sau đó làm vệ sinh cá nhân. Sau khi nhận phần ăn sáng là nửa chén bo bo, cán bộ xuống trại dẫn từng toán đi lao động ngoài trại, với khẩu lệnh người nào rời hàng ngũ sẽ bị bắn bỏ. Mỗi tối vào 6 giờ chiều là anh em chúng tôi bị lừa vào nhà giam và cửa chính bị khóa lại. Ăn uống thì thiếu thốn, con người lúc nào cũng mơ tưởng đến miếng ăn, thêm khát có cái gì để nhét vào cái bao tử trống rỗng. Con người lúc này trong đầu óc không còn suy nghĩ gì khác ngoài nghĩ đến miếng ăn.

“Tôi không còn nhớ là vào khoảng thời gian nào trong năm 1976 hoặc 1977, lúc đó có một cán bộ cùng vợ con từ miền Bắc được chuyển đến trại giam Z30C làm giám thị, và vì nhu cầu cần ổn định nơi ăn chốn ở, tù nhân trại giam phải gấp rút cất nhà cho ông ta và gia đình ở. Có thể vì khéo tay mà tôi là một trong số 5 anh em được chọn để cất căn nhà này. Tên ông cán bộ giám thị trại giam là Phạm Huệ, cấp bậc thiếu tá.

“Công việc mới xem ra có phần dễ chịu hơn thay vì mỗi ngày phải phơi nắng chang chang cuốc đất trồng khoai mì hay khoai lang, mà bụng thì lúc nào cũng đói cồn cào, mặt mũi thì quay cuồng, lúc nào cũng tơ tưởng đến miếng ăn.

“Có một ngày mà tôi không còn nhớ vì nó đã xảy ra quá lâu rồi, nhưng chắc chắn là vào một buổi chiều, năm anh em sắp sửa dọn dẹp để trở về trại, lúc ấy có thể là tôi đi sau cùng, tôi

thấy bà vợ cán bộ giám thị, một người đàn bà nhỏ bé có dáng dấp quê mùa, đang chăm sóc hai đứa con còn nhỏ, mắt ngó trước ngó sau, như sợ có người trông thấy, rồi thỉnh thoảng đưa tay tôi một trái xoài, sau đó lẩn xa ngay lập tức, trong lúc tôi còn đang ngỡ ngàng và vô cùng kinh ngạc chỉ biết há hốc mồm, không kịp nói lời cảm ơn hay làm một cử chỉ nào đó để cảm tạ bà. Tôi có cái suy nghĩ là vợ ông cán bộ rất sợ ông, vì nếu ông biết hành động này của bà, thì bà sẽ bị rắc rối to chứ không phải chơi, vì dám trái lệnh quy định của trại giam.

“Trong lúc đang bị đói khát dày vò, mang thân phận một tù nhân, cứ nghĩ rằng ngục tù cộng sản bao giờ cũng tăm tối, nhưng giữa tăm tối bao trùm thì một tia sáng đã loé lên, tia sáng của một trái tim nhân hậu. Bà đã quên mất rằng mình đang là vợ của một Thiếu tá công an giám thị trại giam đầy quyền uy, mà mở rộng tấm lòng nhân ái, chứa chan tình người, tình người đích thực giữa con người và con người, khi thấy người gặp nạn.

“Sydney đang chào đón mùa xoài. Xoài được đem đến từ những vùng nắng ấm như Queensland, Bắc Úc. Mỗi lần đến chợ Bankstown hoặc Cabramatta, xem những cửa hàng bày bán những thùng xoài đủ loại, mà thùng xoài nào cũng bắt mắt, những trái xoài ngon tỏa ra hương thơm ngọt ngào, làm tôi nhớ lại câu chuyện trái xoài năm nào tại trại cải tạo Z30C Hàm Tân, nhớ đến bà vợ cán bộ giám thị trại giam năm nào đã có hành vi thật nhân ái, thương người thất thế, khi cho tôi một trái xoài đầy ắp tình người. Tôi không còn nhớ hình dáng bà ra sao, nhưng hành động của bà thì tôi còn nhớ như in, mặc dầu câu chuyện này đã xảy ra cách đây nửa thế kỷ rồi, và tôi còn đang nợ bà một lời cảm ơn, dầu cho là muộn màng.

“Sydney đang vào mùa xoài. Những khu buôn bán như Bankstown bày bán những thùng xoài vàng ánh, mượt mà, còn các siêu thị thì bán lẻ từng trái xoài to nhỏ đủ cỡ, chứ không bán từng thùng, mà tôi cũng không biết tại sao. Mỗi lần cầm trái xoài trên tay, tôi lại nhớ đến trái xoài năm xưa tại trại giam Hàm Tân, trái xoài mà bà vợ cán bộ giám thị trại giam Hàm Tân đã giấu giếm cho tôi. Hồi xa xưa ấy, và nhất là ở chốn thôn quê, trại tù, thì làm sao có thể có được những trái xoài mượt mà, nhưng trái xoài nhỏ bé đó lại gói ghém biết bao tình người.

“Ông bà ta ngày xưa tuy học hành không cao, nhưng kinh nghiệm sống thì lại vô cùng phong phú, đã để lại câu nói vô cùng ý nghĩa và sâu sắc: một miếng khi đói bằng một gói khi no.”
(Ngàn Mây)



Giọng cũ xa gần

Thư người em nhỏ thuộc Chi Hội Sydney:

Người em đây là **Francis Trần Trọng Dũng** (lớp Gabriel sống ở Sydney)

“Cảm ơn Anh Chị Tá’.

Em đã “forward email” này cho Anh Trần Mạnh Trung và mọi người trong gia đình để đọc Duc In Altum. Vậy báo lại để Anh Chi an tâm và đỡ mất thì giờ cho Anh Chị phải gửi qua bưu điện

Chào Anh Chị
Francis Trần Trọng Dũng

CHÚA VÀ PHẬT Ở ĐÂU?

“Tôi không nhớ đã đọc câu chuyện sau đây từ đâu và lúc nào, chỉ biết là rất lâu rồi. Nhân mùa Giáng Sinh đang đến bên thêm, kể lại đây chia sẻ cùng bạn. Thực hư không biết. Tôi chỉ là người kể lại.

“Trước năm 1975, trong quân đội miền Nam Việt Nam Cộng Hoà có những sĩ quan là những vị Linh Mục của Công Giáo, và Thượng Tọa (hay Đại Đức) nếu là Phật Giáo. Những vị này ở trong quân đội được gọi là các sĩ quan Tuyên Úy để chăm lo phần tín ngưỡng tâm linh cho các chiến sĩ.

“Dù là các bậc tu hành, nhưng họ đồng thời cũng là các sĩ quan trong quân đội, và do đó cũng phải chịu chung án lệnh học tập cải tạo như tất cả các sĩ quan quân lực VNCH khác.

“Trong một trại học tập tại miền thượng du Bắc Phần có vị Thượng Tọa (không nhớ tên), vốn là một sĩ quan Tuyên Úy và đang bị án học tập cải tạo.

“Một lần người tù chung trại tuổi cao lại thêm bệnh cũ tái phát, điều kiện y tế thiếu thốn nơi trại cải tạo nên đã qua đời. Khi chôn cất người tù đó chỉ có manh chiếu thô sơ, còn bên trong quần áo rách nát không đủ che thân, vị Thượng Tọa thương xót bèn đem chiếc áo cà sa lạnh lặn nhất của ông mang theo quần cho người bạn tù vẫn sống trước khi đi vào lòng đất.

“Giữa nơi rừng thiêng nước độc cao nguyên Bắc phần, khí hậu mùa đông vốn đã lạnh lẽo cực kỳ với những người tù đang bị án vô thời hạn này, lại càng khắc nghiệt hơn với vị Thượng Tọa cũng đã già, có cái áo khoác lạnh lặn nhất đã chôn theo người bạn tù. Bây giờ ông chỉ còn một manh áo cà sa thô sơ rách rưới khác.

“Cùng chung trại có một sĩ quan Tuyên Úy khác là một Linh Mục Công Giáo. Cha cũng bị học tập cải tạo như ông Thượng Tọa. Vị Linh Mục (không nhớ tên) thấy ông bạn tù Thượng Tọa già yếu lạnh lẽo. Cha cũng có cái áo Chùng Thâm lạnh lặn ảm áp nhất. Cha đem chiếc áo lạnh lặn này đổi chiếc áo cà sa rách rưới của vị Thượng Tọa để ông đủ ấm chống chọi qua mùa Đông lạnh giá. Cha còn trẻ, khỏe mạnh, có thể chịu đựng được khí hậu khắc nghiệt này.

“Thế là mùa Đông năm đó, mọi người đều thấy vị Linh Mục thì mặc chiếc áo cà sa Phật giáo rách rưới của ông Thượng Tọa, còn ông Thượng Tọa nhà Phật lại khoác trên người chiếc áo dòng thâm đen của nhà Chúa.

“Vị Thượng Tọa không còn chiếc áo Cà Sa, nhưng tấm lòng Bồ Tát quảng đại vẫn rạng ngời. Và vị Linh Mục kia cũng đâu cần phải khoác lên người chiếc áo Chùng Thâm, nhưng tấm lòng nhân ái, biểu hiện tình thương vô cùng của Chúa Cứu Thế.

“Chúa và Phật ở đâu xa?

“Các ngài ở trong tâm của những vị chân tu đó.

ThaiN”

Số 1 và số 0

Giá trị con người

"Nhà toán học Ả Rập vĩ đại Al Khawarizmi khi được hỏi về giá trị của con người, ông đã trả lời:

-*Nền tảng con người là đạo đức. Nếu có đạo đức, thì giá trị của bạn là 1.*

Nếu bạn thông minh, thì thêm một số 0 và giá trị của bạn sẽ là 10. Nếu bạn giàu có, thêm một số 0 nữa và giá trị của bạn sẽ là 100.

Nếu bạn lại còn xinh đẹp, lại thêm một số 0 thì tổng giá trị sẽ là 1000.

Nhưng nếu bạn bị mất số 1, tương ứng với mất đạo đức, bạn sẽ mất tất cả giá trị và giá trị của bạn chỉ còn là số 0." -- RẤT ĐÚNG... CÀNG ĐÚNG HƠN ĐỐI VỚI NGƯỜI LÃNH ĐẠO.

Đàn ông khác đàn bà



- Đàn ông luôn trả 2 USD cho cái vật cần mua đúng giá chỉ 1 USD.
- Đàn bà luôn trả 1 USD cho cái vật không cần mua được đặt giá 2 USD.
- Trước lúc lấy chồng, phụ nữ lo sợ cho tương lai. Đàn ông không phải lo tương lai cho tới lúc cưới vợ.
- Người đàn ông thành đạt kiếm được nhiều hơn số tiền vợ anh ta tiêu.
- Người phụ nữ thành đạt là người phụ nữ biết tìm ra người chồng kiểu đó.
- Để có hạnh phúc trong hôn nhân với một người đàn ông, cần hiểu anh ta nhiều nhưng lại ít yêu anh ta.
- Để có hạnh phúc trong hôn nhân với người phụ nữ, cần yêu chị ta nhiều chứ không cần hiểu.
- Mọi người đàn ông có vợ đều có thể quên lỗi lầm của mình.
- Còn người vợ sẽ thay đổi anh ta để nhớ tới các lỗi lầm đó.
- Lúc lấy chồng, người phụ nữ hy vọng là với thời gian, chồng mình sẽ thay đổi. Và chị ta đã lầm.
- Lúc lấy vợ, người đàn ông hy vọng, vợ mình sẽ không bao giờ thay đổi. Và anh ta cũng bị lầm.
- Lúc cãi nhau, bao giờ người vợ cũng nói câu cuối cùng. Còn cái điều người chồng nói sau đó sẽ mở ra một cuộc cãi nhau mới. (Sưu tầm)

Thân mến

TQĐ

MỤC LỤC

GIA ĐÌNH TÌM GẶP NHAU TRONG CHÚA Lm Giuse Mai Văn Thịnh, DCCT.....	1
“Đây là người” Nguyễn Duy Vũ	3
Đắm Mình Trong Vũng Tội? (tiếp theo) Gm John Shelby Spong	8
‘ĐÊM ĐÔNG LẠNH LẼO’, CHÚA SINH VÌ AI? Ý Tâm	17
Bi kịch của một trí thức Hòa Khánh	21
NƯỚC MỸ CỦA AI? Uyên Lê.....	27
Trái xoài nhân ái Ngân Mây	29
Giọng cũ xa gần Dân Gày	30